

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự,  
an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa**

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày  
17 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên  
quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 2 năm 2025 của  
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ  
Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều  
của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và  
đường thủy nội địa.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2018/TT-BCA  
ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự điều  
tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của lực lượng Cảnh sát giao thông**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Biểu mẫu sử dụng trong công tác giải quyết tai nạn giao  
thông đường sắt**

1. Biểu mẫu sử dụng trong công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông  
đường sắt thực hiện theo quy định của Chính phủ về biểu mẫu sử dụng trong xử  
phạt vi phạm hành chính, quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về biểu mẫu, giấy  
tờ, sổ sách về điều tra hình sự và biểu mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

a) Sổ theo dõi vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 01/TNĐS);

b) Biên bản vụ việc (Mẫu số 02/TNĐS);

- c) Biên bản xác định chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt, đường ngang, cầu chung, cầu, hầm, ghi liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 03/TNĐS);
- d) Đề nghị trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản (Mẫu số 04/TNĐS);
- đ) Quyết định phân công cán bộ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 05/TNĐS);
- e) Kế hoạch điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 06/TNĐS);
- g) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 07/TNĐS);
- h) Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 08/TNĐS);
- i) Báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 09/TNĐS);
- k) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 10/TNĐS);
- l) Báo cáo đề xuất, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 11/TNĐS);
- m) Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn (Mẫu số 12/TNĐS);
- n) Sơ đồ vị trí, dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn (Mẫu số 13/TNĐS);
- o) Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 14/TNĐS);
- p) Biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 15/TNĐS);
- q) Kế hoạch dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt (Mẫu số 16/TNĐS);
- r) Biên bản ghi lời khai (Mẫu số 17/TNĐS).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 như sau:

“1. Cục Cảnh sát giao thông nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường sắt phải thông báo cho Phòng Cảnh sát giao thông và cử cán bộ đến hiện

trường phối hợp tổ chức cấp cứu người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của người bị nạn, xác định người biết việc.

2. Phòng Cảnh sát giao thông nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường sắt phải cử cán bộ đến hiện trường để thụ lý, điều tra, giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt thuộc khoản 3 Điều này thì thực hiện phối hợp tổ chức cấp cứu người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản, xác định người biết việc.

3. Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt có một trong các dấu hiệu về hậu quả: có người chết tại hiện trường, chết trên đường đi cấp cứu, đang cấp cứu mà chết, có nguy cơ chết; có người bị thương dập, nát, đứt, rời tay, chân; chấn thương sọ não; có từ 03 người trở lên bị thương gãy tay, chân trở lên hoặc có căn cứ xác định tổn hại cho sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc có căn cứ xác định thiệt hại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên thì cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Trưởng phòng để chuyển ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 7 như sau:

“6. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách

Trong trường hợp cấp bách để đưa người bị nạn đi cấp cứu, truy bắt người phạm tội, người gây tai nạn giao thông đường sắt bỏ chạy, cứu nạn, cứu hộ, chữa cháy hoặc nhiệm vụ khẩn cấp khác để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thì thực hiện quyền huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự theo quy định tại Điều 68 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 7 như sau:

“8. Trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này:

a) Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt không thuộc khoản 3 Điều 6 Thông tư này thuộc trách nhiệm điều tra, giải quyết của Phòng Cảnh sát giao thông nếu xác định vụ tai nạn giao thông có khả năng có dấu hiệu tội phạm được quy định tại một trong các điều 267, 268, 269, 270, 271 và 281 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Trưởng phòng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn điều tra theo quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021);

b) Đối với vụ tai nạn giao thông đường sắt không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì Trưởng phòng Cảnh sát giao thông phân công cán

bộ Cảnh sát giao thông đảm bảo tiêu chuẩn để tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết theo quy định của Thông tư này.”.

5. Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 Điều 7 như sau:

“9. Trong quá trình điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt, nếu có người bị thương đang điều trị mà chết hoặc có cơ sở xác định nguyên nhân chết do vụ tai nạn giao thông đường sắt gây ra thì cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Trưởng phòng để chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra, giải quyết.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện đường bộ liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định khác có liên quan.

Đối với trường hợp các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông đã được tích hợp trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, khi tạm giữ giấy tờ, Cảnh sát giao thông thực hiện việc tạm giữ giấy tờ trên môi trường điện tử.

Việc xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định khác có liên quan.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 15 như sau:

“11. Giám định chuyên môn, định giá thiệt hại tài sản:

a) Trường hợp cần giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể người bị nạn hoặc giám định dấu vết, giám định chuyên môn kỹ thuật phương tiện, cầu, đường, phà, chất lượng công trình giao thông liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông đường sắt để làm căn cứ giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), định giá thiệt hại về tài sản thì cán bộ Cảnh sát giao thông được giao nhiệm vụ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định trung cầu giám định, yêu cầu định giá thiệt hại tài sản để yêu cầu, đề nghị cơ quan có chức năng giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông trong quá trình xác minh, giải quyết các vụ tai nạn giao thông đường sắt theo nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Cơ quan thuộc lực lượng Cảnh sát trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra xét thấy cần phải thực hiện thủ tục trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 205 hoặc Điều 215 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) thì báo cáo Trưởng phòng Cảnh sát giao thông có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh tiến hành trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản theo Mẫu số 04/TNDS ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản thì Phòng Cảnh sát giao thông phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan Cảnh sát điều tra được đề nghị;

c) Trường hợp người bị nạn, người đại diện của người bị nạn trong vụ tai nạn giao thông đường sắt từ chối giám định thương tích mà không có lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì vận động, thuyết phục, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật; nếu họ cương quyết từ chối thì lập biên bản ghi rõ lý do từ chối, có xác nhận của họ và người chứng kiến. Chủ động thu thập hồ sơ, bệnh án tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để phối hợp với các đơn vị có chức năng giám định qua hồ sơ đối với trường hợp việc yêu cầu người bị nạn trực tiếp đi giám định gặp khó khăn. Nếu người bị nạn, người đại diện của người bị nạn tiếp tục cản trở, chống đối thì tùy theo tính chất, mức độ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.”.

8. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

**“Điều 15a. Xem xét kết quả điều tra, xác minh vụ tai nạn giao thông đường sắt**

Cán bộ Cảnh sát giao thông trong khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 Thông tư này, xác định:

1. Vụ tai nạn giao thông đường sắt không có dấu hiệu tội phạm thì báo cáo kết quả và đề xuất giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt theo Mẫu số 11/TNDS ban hành kèm theo Thông tư này đến lãnh đạo có thẩm quyền ra Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt theo Mẫu số 14/TNDS ban hành kèm theo Thông tư này. Việc giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt được thực hiện theo Điều 16 Thông tư này.

2. Vụ tai nạn giao thông đường sắt có dấu hiệu tội phạm thì cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Trưởng phòng để chỉ đạo việc điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt theo Điều 17 Thông tư này;

3. Trường hợp phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác hoặc cố ý gây ra vụ tai nạn giao thông đường sắt để che giấu hành vi phạm tội khác thì cán bộ Cảnh sát giao thông báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).”.

9. Bổ sung Điều 15b vào trước Điều 16 như sau:

**“Điều 15b. Thời hạn điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt**

1. Vụ tai nạn giao thông đường sắt không có dấu hiệu tội phạm thì thời hạn điều tra, xác minh, giải quyết như sau: nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường sắt thì Cảnh sát giao thông phải tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc; trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh thêm hoặc phải thông qua giám định chuyên môn thì có thể được kéo dài nhưng không quá 01 tháng kể từ ngày nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường sắt; trường hợp cần phải có thêm thời gian để xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ thì tiếp tục được kéo dài, thời hạn kéo dài không quá 02 tháng kể từ ngày nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường sắt. Việc kéo dài phải được báo cáo bằng văn bản với người có thẩm quyền theo Mẫu số 11/TNĐS ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Vụ tai nạn giao thông đường sắt quy định tại điểm a khoản 8 Điều 7 Thông tư này hoặc trong quá trình điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt quy định tại điểm b khoản 8 Điều 7 Thông tư này nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm, thì Phòng Cảnh sát giao thông thực hiện xác minh, giải quyết theo thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Điều 9, Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư liên

tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 11 năm 2021) và Điều 12 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 129/2021/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2021).”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt theo thủ tục hành chính**

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu của hoạt động điều tra, xác minh, cán bộ Cảnh sát giao thông báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền để giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt như sau:

1. Mời các bên liên quan đến trụ sở đơn vị đề thông báo kết quả điều tra, xác minh (kết luận nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn giao thông đường sắt, xác định lỗi của những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông đường sắt và hình thức xử lý vi phạm hành chính), đồng thời lập biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt theo Mẫu số 15/TNDS, biên bản vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Nếu một trong các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt vắng mặt có lý do chính đáng, thì phải lập biên bản ghi nhận việc vắng mặt và hẹn thời gian đến giải quyết.

2. Báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt (nếu có); khi áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, Cảnh sát giao thông thực hiện việc tước giấy tờ trên môi trường điện tử trong trường hợp các giấy tờ này đã được tích hợp trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe theo quy định (nếu có).

3. Hướng dẫn cho các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt tự giải quyết bồi thường thiệt hại dân sự.

Trường hợp các bên liên quan trong vụ tai nạn giao thông đường sắt không tự thỏa thuận giải quyết bồi thường thiệt hại dân sự thì phải lập biên bản, đồng thời hướng dẫn các bên liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Sau khi hoàn thành việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt, cán bộ Cảnh sát giao thông thụ lý hoàn chỉnh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo đơn vị kết thúc việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo tai nạn giao thông đường sắt, đăng ký, lưu hồ sơ theo quy định của Bộ Công an và pháp luật có liên quan.

5. Đối với vụ tai nạn giao thông đường sắt do Cơ quan điều tra thụ lý, giải quyết nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nhưng hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thuộc trường hợp chuyên hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ tai nạn giao thông đường sắt cho cơ quan, đơn vị Cảnh sát giao thông bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên tuyến, địa bàn để xử lý vi phạm hành chính thì cán bộ Cảnh sát giao thông được giao tiếp nhận thụ lý báo cáo người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và căn cứ vào từng vụ tai nạn giao thông đường sắt cụ thể thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Kết thúc việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt, nếu cơ quan, đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông đường sắt phát hiện những tồn tại, bất cập, thiếu sót trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hạ tầng giao thông đường sắt, việc quản lý người điều khiển phương tiện, quản lý phương tiện thì có văn bản kiến nghị với cơ quan quản lý, ngành chủ quản để có biện pháp khắc phục.

7. Việc thống kê tai nạn giao thông đường sắt phải được cập nhật thông tin vụ tai nạn giao thông đường sắt vào Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông, Phần mềm Tổng hợp, đồng bộ dữ liệu và xử lý tai nạn giao thông, Phần mềm Điều tra hình sự theo quy định.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

**“Điều 17. Giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt phát hiện có dấu hiệu tội phạm theo chức năng của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**

1. Trong quá trình thực hiện việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư này nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm không thuộc trường hợp phải chuyển Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân có thẩm quyền thì cán bộ được phân công điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt thuộc Phòng Cảnh sát giao thông



báo cáo Trưởng phòng để thực hiện hoặc phân công cấp phó, cán bộ điều tra hoặc thay đổi cấp phó, cán bộ điều tra thực hiện như sau:

a) Phòng Cảnh sát giao thông thông báo đến Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh về việc tiếp nhận nguồn tin tội phạm; xem xét việc quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự theo quy định pháp luật;

b) Phối hợp thực hiện trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản theo quy định tại khoản 11 Điều 15 Thông tư này và Hướng dẫn liên ngành số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31 tháng 01 năm 2024 về phối hợp thực hiện thủ tục trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn điều tra theo quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 11 năm 2021) và Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 129/2021/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2021).

2. Hồ sơ vụ án tai nạn giao thông đường sắt chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra:

a) Các tài liệu dùng cho cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA;

b) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt; sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt; bản ảnh hiện trường; thiết bị lưu trữ hình ảnh động (nếu có);

c) Biên bản khám nghiệm phương tiện; biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện; quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện; các giấy tờ của phương tiện, người điều khiển phương tiện và hàng hóa trên phương tiện (nếu có);

d) Biên bản ghi lời khai và bản tường trình của những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông đường sắt;

đ) Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn, sơ đồ vị trí dấu vết thương tích trên cơ thể người bị nạn, biên bản về việc dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt (nếu có);

e) Kết luận giám định thiệt hại về người và tài sản; các tài liệu khác liên quan (nếu có);

g) Tang vật, phương tiện, vật chứng liên quan đến vụ tai nạn (nếu có);

h) Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án.”.

12. Bổ sung cụm từ “Việt Nam” sau cụm từ “Đường sắt” tại khoản 4 Điều 6, cụm từ “thiết bị tín hiệu đuôi tàu” sau cụm từ “hệ thống xả cát” tại điểm b khoản 2 Điều 10.

13. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “và khoản 3” tại khoản 4 Điều 6, cụm từ “tổ tụng hình sự” tại khoản 1, khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 14;

b) Bỏ cụm từ “đề nghị người tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền” tại khoản 2 và cụm từ “đề nghị người tiến hành tố tụng có thẩm quyền” tại khoản 4 Điều 14;

c) Bỏ cụm từ “Tham gia” tại tên Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14.

14. Bãi bỏ khoản 5 Điều 6 và khoản 7 Điều 7.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 64/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy của lực lượng Cảnh sát giao thông**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 như sau:

“b) Phòng Cảnh sát giao thông;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Các cơ quan, đơn vị khác trong Công an nhân dân nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm báo tin cho cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này để tiếp nhận tin báo về tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

Tất cả các vụ tai nạn giao thông phải được thông báo cho Phòng Cảnh sát giao thông và Công an cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp khi có yêu cầu.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“b) Nếu tin báo vụ tai nạn giao thông không xảy ra trên tuyến đường thùỵ nội địa được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thì thông báo cho trực ban Phòng Cảnh sát giao thông nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để xử lý tin báo và phối hợp khi có yêu cầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Trường hợp vụ tai nạn giao thông có tình tiết phức tạp làm từ 03 người chết hoặc mất tích trở lên; gây ùn tắc giao thông kéo dài liên tuyến, liên địa bàn, liên tỉnh; gây thảm họa hoặc cần thiết phải có sự phối hợp cứu nạn, cứu hộ, điều tiết, giải tỏa ùn tắc giao thông của Công an nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo ngay Giám đốc Công an cấp tỉnh (qua Phòng Tham mưu hoặc Phòng Cảnh sát giao thông), đồng thời báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để chỉ đạo giải quyết.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 6 như sau:

“6. Phòng Cảnh sát giao thông nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông theo quy định tại khoản 4 Điều này hoặc vụ tai nạn giao thông liên quan đến người nước ngoài; liên quan đến cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân báo cáo vụ việc theo quy định tại Thông tư số 66/2022/TT-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chế độ báo cáo trong Công an nhân dân.

7. Trường hợp cán bộ Cảnh sát giao thông khi đến nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông nhưng các bên liên quan đã rời khỏi hiện trường (không còn hiện trường) thì phải lập Biên bản vụ việc theo Mẫu số 02/TNĐT ban hành kèm theo Thông tư này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 7 như sau:

“a) Nếu phát hiện vụ tai nạn giao thông có một trong các dấu hiệu về hậu quả: có người chết tại hiện trường, chết trên đường đi cấp cứu, đang cấp cứu mà chết, có nguy cơ chết; có người bị thương dập, nát, đứt, rời tay, chân; chấn thương sọ não; có từ 03 người trở lên bị thương gãy tay, chân trở lên hoặc có căn cứ xác định tổn hại cho sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc có căn cứ xác định thiệt hại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên thì cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Trưởng phòng để chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết;”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công đến hiện trường tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông, phải lập Biên bản vụ việc theo Mẫu số 02/TNĐT ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập Biên bản vụ việc hành chính, cán bộ Cảnh sát giao thông lập biên bản báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định phân công cán bộ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo Mẫu số 04/TNĐT ban hành kèm theo Thông tư này và lập Kế hoạch xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo Mẫu số 03/TNĐT ban hành kèm theo Thông tư này được lãnh đạo có thẩm quyền phê duyệt; việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay khi xác định tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 9 như sau:

“c) Xác định thành phần khám nghiệm:

Tùy theo tính chất, mức độ của vụ tai nạn giao thông để mời thành phần khám nghiệm cho phù hợp như: cán bộ kỹ thuật hình sự; Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an ở huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; đại diện đơn vị đăng kiểm phương tiện giao thông đường thủy nội địa hoặc cá nhân, tổ chức có chuyên môn (liên quan đến việc khám phương tiện thủy nội địa); đại diện đơn vị quản lý đường thủy nội địa; đại diện đơn vị chuyên môn kỹ thuật liên quan đến công trình thủy, công trình vượt sông; người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; đại diện cơ sở, doanh nghiệp (người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực giá, lĩnh vực định giá tài sản) để xác định giá trị thiệt hại ban đầu về tài sản;”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Tạm giữ, xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính**

1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn và giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác (sau đây gọi chung là giấy phép, chứng chỉ hành nghề) của thuyền viên liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định khác có liên quan.

Đối với trường hợp các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông đã được tích hợp trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia khi tạm giữ giấy tờ, Cảnh sát giao thông thực hiện việc tạm giữ giấy tờ trên môi trường điện tử.

2. Trước khi kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của thuyền viên, cán bộ được phân công điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa báo cáo, đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền kéo dài thời hạn tạm giữ theo Mẫu số 14B/TNĐT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của thuyền viên liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định khác có liên quan.

4. Sau khi kết thúc khám nghiệm phương tiện giao thông, xác định người điều khiển phương tiện không có lỗi và không vi phạm các quy định khác của pháp luật thì phương tiện giao thông được trả ngay cho chủ sở hữu hoặc người điều khiển phương tiện.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Trường hợp cần giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể người bị nạn, định giá thiệt hại về tài sản, giám định dấu vết; giám định chuyên môn kỹ thuật phương tiện, cầu, phà, công trình vượt sông, công trình ngầm, cảng, bến thủy nội địa, tổ chức giao thông, chất lượng công trình giao thông để làm căn cứ giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật hành chính thì cán bộ Cảnh sát giao thông báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định trưng cầu giám định theo quy định của Chính phủ về biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính để yêu cầu, đề nghị cơ quan có chức năng giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.”.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 15 như sau:

“c) Việc kiểm tra, xác minh phương tiện, người điều khiển phương tiện; hành khách, hàng hóa vận chuyên, tải trọng trên phương tiện và các giấy tờ có liên quan phải mời đại diện cơ sở, doanh nghiệp (người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực giá, lĩnh vực định giá tài sản) để xác định giá trị thiệt hại về tài

sản và được lập Biên bản xác minh theo quy định của Chính phủ về biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Vụ tai nạn giao thông có dấu hiệu tội phạm được quy định tại một trong các điều 272, 273, 274, 275, 276 và 281 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo, đề xuất Trưởng phòng để chỉ đạo, điều tra giải quyết vụ tai nạn giao thông theo Điều 20 của Thông tư này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 20 như sau:

“a) Các tài liệu dùng cho cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08 tháng 12 tháng 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ sổ sách về điều tra hình sự (sau đây viết gọn là Thông tư số 119/2021/TT-BCA);”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 như sau:

“g) Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án theo Mẫu số 240 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

**“Điều 23. Kiểm tra công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông**

1. Việc kiểm tra công tác điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy được thực hiện theo Thông tư này và Thông tư số 35/2024/TT-BCA ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về kiểm tra công tác trong Công an nhân dân.

2. Khi xảy ra vụ tai nạn giao thông theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này hoặc theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an, Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan và Công an địa phương nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông tiến hành kiểm tra công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông để đánh giá nguyên nhân, xem xét trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan để xảy ra vụ tai nạn giao thông.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 24 như sau:

“1. Phòng Cảnh sát giao thông trong quá trình điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa nếu phát hiện vụ tai nạn giao

thông đường thủy nội địa có dấu hiệu tội phạm thì sử dụng biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA.

2. Điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo thủ tục hành chính thì sử dụng biểu mẫu theo quy định của Chính phủ về biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính và các biểu mẫu quy định tại khoản 3 Điều này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 24 như sau:

“b) Biên bản vụ việc (Mẫu số 02/TNĐT);”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Đối với những vụ tai nạn giao thông qua công tác điều tra, xác minh ban đầu xác định có dấu hiệu tội phạm thì Phòng Cảnh sát giao thông bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông cho Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân có thẩm quyền để giải quyết và sao lưu hồ sơ để theo dõi. Sau khi bàn giao cho Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân, Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp tục phối hợp theo đề nghị của Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân.”.

19. Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Công an cấp tỉnh” tại khoản 8 Điều 7 và Điều 29; thay thế cụm từ “bàn giao cho Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Cảnh sát giao thông” tại Điều 29.

20. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “Cảnh sát đường thủy” tại Điều 1;

b) Bỏ cụm từ “Công an cấp tỉnh hoặc đơn vị Cảnh sát đường thủy” tại khoản 1 Điều 6;

c) Bỏ cụm từ “đồng thời thông báo cho Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông biết hoặc yêu cầu phối hợp điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định” tại điểm a khoản 2 Điều 6;

d) Bỏ cụm từ “với Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông” tại khoản 5 Điều 6.

21. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 22.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2023/TT-BCA ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát đường thủy**

1. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 Điều 6 như sau:

“c) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trên tuyến, địa bàn theo Kế hoạch đã được Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông phê duyệt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 6 như sau:

“7. Trưởng Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an ở huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây viết gọn là Trưởng Công an cấp xã): thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và an ninh, trật tự đối với người, phương tiện ở các bến khách ngang sông và các vùng nước chưa được công bố thuộc phạm vi địa giới hành chính cấp xã.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 16 như sau:

“c) Gửi thông báo (theo Mẫu số 02/36) yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính hoặc đến trụ sở Công an cấp xã, Phòng Cảnh sát giao thông nơi cư trú, đóng trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 135/2021/NĐ-CP).”.

4. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông” tại khoản 2 Điều 16;

b) Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Cảnh sát giao thông” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 16.

5. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “Trưởng phòng cảnh sát đường thủy” và cụm từ “(sau đây viết gọn là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông); Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Trưởng Công an quận, huyện, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Trưởng Công an cấp



huyện)” tại khoản 5 Điều 6;

b) Bộ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 8;

c) Bộ cụm từ “lãnh đạo Công an cấp huyện” tại khoản 4 Điều 15;

d) Bộ cụm từ “Công an cấp huyện” tại khoản 1 Điều 19 và bộ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” tại khoản 3 Điều 19.

6. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 17.

7. Thay thế các mẫu số 01, 02 và 05 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2023/TT-BCA bằng các mẫu số 01/36, 02/36 và 05/36 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2024/TT-BCA ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thống kê, tổng hợp, xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ, tai nạn giao thông đường sắt, tai nạn giao thông đường thủy nội địa**

1. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bộ cụm từ “Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an cấp huyện” tại điểm a khoản 1 Điều 10;

b) Bộ cụm từ “sử dụng tại Công an cấp huyện” tại khoản 4 Điều 29.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 30 và điểm g khoản 3 Điều 30.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 18 như sau:

“b) Gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính hoặc đến trụ sở các đội, trạm Cảnh sát giao thông thuộc Phòng Cảnh sát giao thông nơi cư trú, đóng trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP. Việc gửi thông báo vi phạm được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc bằng phương thức điện tử (khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin).”.

2. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Trưởng Công an cấp huyện)” tại khoản 3 Điều 6;

b) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” tại khoản 3 Điều 8;

c) Bỏ cụm từ “Đội Cảnh sát giao thông - trật tự” tại khoản 4 Điều 8.

3. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 19.

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 65/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe**

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Nội dung kiểm tra, bao gồm:

a) Kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo bộ câu hỏi lý thuyết dùng cho sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ do Cục Cảnh sát giao thông xây dựng và ban hành (sau đây viết gọn là kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật);

b) Kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính do Bộ Công an phê duyệt, ban hành (sau đây viết gọn là kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng).”.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Tiêu chuẩn của sát hạch viên: là sĩ quan nghiệp vụ công tác trong lực lượng Cảnh sát giao thông; có Giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch từ 03 năm trở lên kể từ ngày cấp, còn điểm, còn thời hạn sử dụng; đã tham gia tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Cục Cảnh sát giao thông cấp thẻ sát hạch viên.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 26 như sau:

“a) Thẻ sát hạch viên được cấp cho cán bộ đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có thời hạn tương ứng với thời hạn sử dụng của Giấy phép lái xe nhưng không được quá 03 năm kể từ ngày cấp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 31 như sau:

“3. Cán bộ, chiến sĩ được cấp Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân với 01 số giấy phép riêng biệt gồm 12 chữ số tự nhiên. Trường hợp Giấy phép lái xe đã được cấp, khi đổi, cấp lại thì theo mẫu giấy phép lái xe được quy định tại Thông tư này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 33 như sau:

“c) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong Quân đội nhân dân biết để phối hợp quản lý. Hạng Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân sau khi được đổi tương ứng với hạng Giấy phép lái xe được cấp trước đó. Đối với Giấy phép lái xe hạng CX do Bộ Quốc phòng cấp được đổi sang Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân hạng C theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Thông tư này. Thời hạn và số của Giấy phép lái xe áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Thông tư này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36 như sau:

“a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng dưới 03 tháng nhưng do yêu cầu công tác mà có đơn trình bày lý do và có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác thì được xem xét giải quyết đổi Giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Thông tư này. Nếu không có đơn thì phải sát hạch lại lý thuyết đạt yêu cầu mới được đổi Giấy phép lái xe;”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 36 như sau:

“7. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân khi thôi làm nhiệm vụ an ninh thì được đổi Giấy phép lái xe đang sử dụng sang mẫu Giấy phép lái xe ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế.”.

7. Thay thế Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2024/TT-BCA bằng Mẫu số 16/66 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân và dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính**

Bỏ cụm từ “Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương” tại điểm b khoản 1 Điều 4.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chỉ huy, diễn khiển giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông**

1. Bỏ cụm từ “Trường Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Trường Công an cấp huyện)” tại điểm a khoản 1 Điều 5.

2. Thay thế Mẫu số 03A và Mẫu số 03B ban hành kèm theo Thông tư số 69/2024/TT-BCA bằng Mẫu số 03A/69 và Mẫu số 03B/69 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2024/TT-BCA ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 4 như sau:

“10. Các vụ tai nạn giao thông đường bộ phải được thông báo cho Phòng Cảnh sát giao thông và Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an ở huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ để giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp khi có yêu cầu và theo dõi, thống kê, tổng hợp tai nạn giao thông đường bộ xảy ra trên địa bàn.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 như sau:

“b) Nếu tin báo vụ tai nạn giao thông đường bộ không xảy ra trên tuyến được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thì thông báo cho trực ban Phòng Cảnh sát giao thông để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5 như sau:

“b) Nếu tin báo vụ tai nạn giao thông đường bộ không xảy ra trên tuyến được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thì thông báo cho trực ban Cục Cảnh sát giao thông để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.”.

4. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Cảnh sát giao thông” tại điểm a khoản 1 Điều 5;

b) Thay thế cụm từ “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh” tại điểm b khoản 7 Điều 6, điểm a khoản 8 Điều 6 và điểm a khoản 9 Điều 6;

c) Thay thế cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp” tại điểm b khoản 7 Điều 6.

5. Bỏ một số từ, cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “Công an cấp huyện” tại điểm a khoản 4 Điều 5, khoản 5 và khoản 6 Điều 5;

b) Bỏ cụm từ “đồng thời thông báo ngay cho Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ để phối hợp giải quyết” tại điểm b khoản 4 Điều 5;

c) Bỏ cụm từ “Đối với cán bộ Cảnh sát giao thông Công an cấp huyện, báo cáo Trưởng Công an cấp huyện phân công Cảnh sát điều tra tiếp nhận điều tra, giải quyết” tại điểm a khoản 8 Điều 6;

d) Bỏ từ “Trạm” tại điểm c khoản 3 Điều 8.

6. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 5, điểm c khoản 4 Điều 5, điểm b khoản 9 Điều 6 và điểm b khoản 2 Điều 16.

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 73/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 24 như sau:

“b) Trường hợp chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính không cư trú, đóng trụ sở tại địa bàn cấp huyện nơi cơ quan Công an đã phát hiện vi phạm hành chính, nếu xác định vi phạm hành chính đó thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an ở huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi chung là Trưởng Công an cấp xã) thì chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an ở huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính cư trú, đóng trụ sở theo Mẫu số 03/73 ban hành kèm theo Thông tư này để giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm (khi được trang bị hệ thống mạng kết nối gửi bằng phương thức điện tử).

Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an cấp xã hoặc thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an cấp xã nhưng Công an cấp xã chưa được trang bị hệ thống mạng kết nối thì chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến



Phòng Cảnh sát giao thông nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính cư trú, đóng trụ sở theo Mẫu số 03/73 ban hành kèm theo Thông tư này để giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm;

c) Gửi thông báo theo Mẫu số 01/73 ban hành kèm theo Thông tư này yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan vụ việc vi phạm hành chính đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính hoặc đến trụ sở các đội, trạm Cảnh sát giao thông thuộc Phòng Cảnh sát giao thông, Công an cấp xã nơi cư trú, đóng trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP. Việc gửi thông báo vi phạm được thực hiện bằng văn bản, bằng phương thức điện tử kết nối, chia sẻ dữ liệu trên App VNeTraffic khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

Đồng thời cập nhật thông tin của phương tiện giao thông vi phạm (loại phương tiện; biển số, màu biển số; thời gian, địa điểm vi phạm, hành vi vi phạm; đơn vị phát hiện vi phạm; đơn vị giải quyết vụ việc, số điện thoại liên hệ) trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông, App VNeTraffic để chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính biết, tra cứu, liên hệ giải quyết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 29 như sau:

“b) Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định huy động lực lượng khác trong Công an nhân dân thuộc quyền quản lý tham gia phối hợp với Cảnh sát giao thông thực hiện tuần tra, kiểm soát trong phạm vi địa phương mình phụ trách.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 30 như sau:

“a) Xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc huy động thì Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch. Trường hợp Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định việc huy động thì Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 30 như sau:

“c) Trường hợp không có lực lượng Cảnh sát giao thông đi cùng thì Công an cấp xã chỉ được kiểm tra, xử lý vi phạm trên các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành và báo cáo tình hình kết quả thực hiện cho lực lượng Cảnh sát giao thông; trường hợp phát hiện người

điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây thì được xử lý theo quy định: không đội mũ bảo hiểm theo quy định; chở quá số người quy định; chở hàng hóa cồng kềnh, quá kích thước giới hạn quy định; dừng, đỗ xe không đúng quy định; lạng lách, đánh võng, điều khiển xe bằng một bánh đối với xe hai bánh; không có gương chiếu hậu ở bên trái theo quy định; sử dụng ô (dù); kéo, đẩy xe khác, vật khác; chưa đủ tuổi điều khiển phương tiện theo quy định hoặc phát hiện vi phạm nghiêm trọng về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, an ninh, trật tự xã hội.

Khi giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm, nếu phát hiện hành vi vi phạm khác thì được xử lý theo thẩm quyền, nếu vượt quá thẩm quyền xử phạt thì lập biên bản vi phạm hành chính và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Quá trình dừng phương tiện giao thông, kiểm tra, xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Thông tư này.”.

5. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng Công an xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Trưởng Công an cấp xã” khoản 2 Điều 24;

b) Thay thế cụm từ “Công an xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Công an cấp xã” tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24; khoản 5 Điều 25;

c) Thay thế cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông” tại khoản 2 Điều 24;

d) Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Cảnh sát giao thông” tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24.

6. Bỏ một số cụm từ tại các điểm, khoản thuộc các điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Trưởng Công an cấp huyện)” tại khoản 4 Điều 6;

b) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” tại điểm a khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 10;

c) Bỏ cụm từ “Đội Cảnh sát giao thông, trật tự” tại khoản 4 Điều 10.

7. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 29.

8. Thay thế các mẫu số 01, 02, 03 và 05 ban hành kèm theo Thông tư số 73/2024/TT-BCA bằng các mẫu số 01/73, 02/73, 03/73 và 05/73 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá biển số xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy được lựa chọn đăng ký, cấp biển số xe trúng đấu giá tại Phòng Cảnh sát giao thông nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở, cư trú hoặc tại Phòng Cảnh sát giao thông quản lý biển số xe trúng đấu giá đó.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 như sau:

“9. Tổ chức, cá nhân có trụ sở, cư trú tại huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã được lựa chọn đăng ký xe tại Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Đồn Công an được giao nhiệm vụ đăng ký xe.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“b) Xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy đăng ký gắn biển số xe trúng đấu giá;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an ở huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) thực hiện đăng ký xe như sau:

a) Công an cấp xã đã được phân cấp đăng ký xe mô tô trước ngày Thông tư này có hiệu lực thực hiện đăng ký các loại xe ô tô, xe máy chuyên dùng, xe mô tô của tổ chức, cá nhân trong nước có trụ sở, cư trú tại địa phương (trừ các loại xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này);

b) Công an cấp xã nơi trước đây Công an cấp huyện đặt trụ sở hoặc tổ chức đăng ký xe thực hiện đăng ký các loại xe ô tô, xe máy chuyên dùng, xe mô tô của tổ chức, cá nhân trong nước có trụ sở, cư trú tại địa phương đó và tại các xã, phường, thị trấn thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố đó chưa được phân cấp đăng ký xe (trừ các loại xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Đối với cấp xã có địa bàn đặc thù, căn cứ tình hình thực tế số lượng xe đăng ký, tính chất địa bàn, khoảng cách địa lý, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) thống nhất với Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông quyết định tổ chức đăng ký xe như sau:

a) Đối với cấp xã có số lượng xe vượt quá khả năng đăng ký thì ngoài Công an cấp xã đó trực tiếp đăng ký xe, giao Công an cấp xã liền kề đã được



phân cấp đăng ký xe hỗ trợ tổ chức đăng ký xe theo cụm cho tổ chức, cá nhân trong nước có trụ sở, nơi cư trú tại địa bàn;

b) Đối với huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, giao Đoàn Công an hoặc Phòng Cảnh sát giao thông thực hiện đăng ký xe;

c) Đối với Công an cấp xã quy định tại điểm b khoản 4 Điều này mà chưa đáp ứng được điều kiện tổ chức đăng ký xe thì giao Công an cấp xã khác thuộc địa bàn huyện thực hiện đăng ký xe;

d) Tiếp tục thực hiện phân cấp đăng ký xe cho Công an cấp xã chưa được phân cấp, thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 11 như sau:

“b) Hóa đơn bán tài sản công hoặc hóa đơn bán tài sản nhà nước hoặc hóa đơn bán tài sản tịch thu hoặc biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản (trong trường hợp xử lý theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 14 như sau:

“c) Cán bộ đăng ký xe thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình từ công dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia chuyển về hệ thống đăng ký, quản lý xe để kiểm tra, hiệu chỉnh dữ liệu đăng ký xe (không phải thực hiện việc kiểm tra thực tế xe, chà số máy, số khung của xe, chụp ảnh xe theo quy định); in giấy khai đăng ký xe, chứng nhận đăng ký xe; trình lãnh đạo cấp có thẩm quyền duyệt, ký hồ sơ xe, chứng nhận đăng ký xe và các giấy tờ liên quan; đóng dấu hồ sơ xe. Trả chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (dán tem nhận diện vào biển số xe trùng dấu giá hoặc tem biển số xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường theo quy định) cho chủ xe qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe;”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 27 như sau:

“b) Căn cứ danh sách xe ô tô hết niên hạn sử dụng, xe thải bỏ, xe không được phép lưu hành theo quy định của pháp luật do cơ quan đăng ký xe cung cấp, Công an cấp xã thông báo chủ xe hoặc người đang sử dụng xe có trụ sở, nơi cư trú trên địa bàn, tiến hành thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và cấp chứng nhận thu hồi (bản giấy hoặc bản điện tử). Trường hợp Công an cấp xã chưa được phân cấp đăng ký xe thì tiến hành thu hồi và bàn giao chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho đơn vị Công an đã được phân cấp đăng ký xe theo cụm quản lý để thực hiện thu hồi trên hệ thống đăng ký, quản lý xe theo quy định;”.



9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 34 như sau:

“3. Biểu mẫu quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, q và r khoản 2 Điều này được in bảo an tại Cục Công nghiệp an ninh. Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm đặt in theo đề nghị của Công an các đơn vị, địa phương. Căn cứ nhu cầu thực tế của Công an cấp xã và của đơn vị, Phòng Cảnh sát giao thông có văn bản gửi Cục Cảnh sát giao thông, đồng gửi đơn vị sản xuất biểu mẫu để đặt in biểu mẫu và thanh quyết toán theo quy định.”

10. Bỏ cụm từ “Công an cấp huyện” tại khoản 1 Điều 10 và cụm từ “công ích” tại khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 14; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 14; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 17; khoản 2 Điều 20; điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 26; điểm d khoản 1 Điều 29.

11. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4.

12. Thay thế các mẫu số ĐKX01, ĐKX02, ĐKX03, ĐKX05, ĐKX06, ĐKX07, ĐKX08, ĐKX09 và ĐKX10 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA bằng các mẫu số ĐKX01/79, ĐKX02/79, ĐKX03/79, ĐKX05/79, ĐKX06/79, ĐKX07/79, ĐKX08/79, ĐKX09/79 và ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tài liệu bảo an**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:

“a) Thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“đ) Giấy chứng nhận đăng ký xe; giấy phép lái xe do cơ quan Công an cấp; các loại chứng nhận, chứng chỉ; giấy phép sử dụng phục vụ công tác Công an;”

**Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.



4. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn. *Qua*

**Nơi nhận:**

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C08.

**BỘ TRƯỞNG**



*Alman*

**Đại tướng Lương Tam Quang**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/TNDS  
Ban hành theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA  
ngày 28/02/2025

(1) .....

(2) .....

**SỔ THEO DÕI VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

**QUYỀN SỞ:**.....

Từ ngày ..... / ..... / .....

Đến ngày ..... / ..... / .....

Số đăng ký: .....

Số lưu trữ: .....

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp;

(2) Tên cơ quan tiếp nhận, thụ lý.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-VV- ...<sup>3</sup>

**BIÊN BẢN VỤ VIỆC**

Hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông/bà:.....Cấp bậc....., chức vụ:.....  
thuộc Cơ quan:.....

2. Ông/bà:.....Cấp bậc....., chức vụ:.....  
thuộc Cơ quan:.....

Có sự chứng kiến của Ông/Bà (nếu có):.....

Sinh ngày:...../...../.....Quốc tịch:.....Nghề nghiệp:.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

.....Số điện thoại:.....

Tiến hành lập biên bản vụ việc đối với:

1. Cá nhân (ông, bà)/Tổ chức (Tên tổ chức, người đại diện theo pháp luật):

.....  
Sinh ngày:...../...../.....Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

.....  
Số căn cước hoặc hộ chiếu/GCDK hoặc GP thành lập số: .....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Số điện thoại:..... Là: .....

2. Cá nhân (ông, bà)/Tổ chức (Tên tổ chức, người đại diện theo pháp luật):

.....  
Sinh ngày:...../...../.....Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

.....  
Số căn cước hoặc hộ chiếu/GCDK hoặc GP thành lập số: .....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Số điện thoại:..... Là: .....

(Đối với vụ việc có nhiều người liên quan thông tin ghi tương tự như trên).

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên trực tiếp

<sup>2</sup> Tên đơn vị của người có thẩm quyền lập biên bản

<sup>3</sup> Phiên hiệu viết tắt đơn vị ban hành Biên bản vụ việc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN**  
**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG NGANG,**  
**CẦU CHUNG, CẦU, HẦM, GHI LIÊN QUAN ĐẾN**  
**VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....  
tại: .....

Cùng tiến hành lập biên bản đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt, đường ngang, cầu chung, cầu, hầm, ghi đối với vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra vào hồi: ... giờ .... phút, ngày...../...../..... tại:.....

I. Thành phần gồm

1. Đại diện đơn vị chủ trì

- Ông/bà:.....Cấp bậc....., chức vụ:.....  
thuộc Cơ quan:.....

- Ông/bà:.....Cấp bậc....., chức vụ:.....  
thuộc Cơ quan:.....(là người lập biên bản).

2. Đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Ông/bà:.....  
thuộc Cơ quan:.....

- Ông/bà:.....  
thuộc Cơ quan:.....

3. Tổ chức, cá nhân có kiến thức, chuyên môn đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt, đường ngang, cầu chung, cầu, hầm...<sup>3</sup>

- Ông/bà:.....  
thuộc Cơ quan, tổ chức:.....Số điện thoại.....

- Ông/bà:.....  
thuộc Cơ quan, tổ chức:.....Số điện thoại.....

4. Người có liên quan trong vụ TNGT hoặc đại diện chủ phương tiện giao thông, người lái tàu, lái xe, chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị thiệt hại (nếu có):

- Ông/bà.....Nam/nữ:.....  
Sinh ngày .... tháng ... năm ..... Quốc tịch .....Nghề nghiệp.....

Số Căn cước hoặc hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....  
Nơi cấp.....

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp

(2) Tên đơn vị của người có thẩm quyền lập biên bản

(3) Tổ chức, cá nhân có kiến thức, chuyên môn đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt, đường ngang, cầu chung, cầu, hầm liên quan...





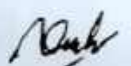
.....  
.....  
.....  
Biên bản lập xong hồi.....giờ.....phút cùng ngày, đã đọc cho những người có tên nêu trên cùng nghe công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN CÁC ĐƠN VỊ CÓ  
LIÊN QUAN<sup>(4)</sup>**  
(Ký, ghi rõ họ và tên, vai trò)

**NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
HOẶC NGƯỜI CHỨNG KIẾN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên, vai trò)

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

<sup>(4)</sup> Đại diện thành phần tham gia với CSGT xác định sơ bộ thiệt hại ban đầu theo quy định tại điểm ..., khoản ..., Điều ..., Thông tư .../2025/TT-BCA ngày .../.../2025.  
\* Biểu mẫu có thể đánh máy để soạn thảo.



.....<sup>(1)</sup>  
.....<sup>(2)</sup>  
Số: ...../CV-ĐNTCĐG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐỀ NGHỊ**  
**TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH, YÊU CẦU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN<sup>3</sup>**

Kính gửi: Cơ quan Cảnh sát điều tra ... (cơ quan CSĐT có thẩm quyền)

.....  
(Đơn vị đề nghị)..... đang tiến hành thụ lý, điều tra, xác minh vụ tai nạn giao thông xảy ra hồi.....giờ .....phút, ngày...../...../.....tại.....

.....  
Đề thực hiện thẩm quyền Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân của ..... (Đơn vị đề nghị).

- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của liên ngành tư pháp Trung ương quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC); Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/01/2024 của liên ngành Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp thực hiện thủ tục trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân.

- Căn cứ các điều 36, 40, 69, 215, 216 và 217 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét cần thiết cho việc điều tra, (Đơn vị có yêu cầu)... đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra ..... tiến hành trung cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại trong vụ TNGTĐS xảy ra hồi..... với diễn biến như sau (tóm tắt nội dung, diễn biến vụ TNGT):.....

**1. Thông tin và đặc điểm đối tượng cần giám định và định giá<sup>(4)</sup>:**

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên.

<sup>2</sup> Tên cơ quan soạn thảo văn bản.

<sup>3</sup> Mẫu số 04/TNĐS dùng trong trường hợp C08, PC08 giải quyết vụ TNGT theo chức năng nhiệm vụ của Cơ quan khác trong CAND được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

<sup>4</sup> Thông tin về người bị thương, kèm theo hồ sơ bệnh án) để trung cầu giám định hoặc thông tin về phương tiện, tài sản bị thiệt hại trong vụ TNGT cần định giá tài sản như: Đầu máy, toa xe, xe ... biển số....., Loại phương tiện:



.....<sup>1</sup> CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
.....<sup>2</sup> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số:...../QĐ-PCCBĐTXM-...<sup>3</sup> ....., ngày.....tháng.....năm.....

**QUYẾT ĐỊNH PHÂN CÔNG CÁN BỘ ĐIỀU TRA,  
XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Tôi: ..... Cấp bậc:.....

Chức vụ:.....

Căn cứ: Điều ..., Thông tư .../2025/TT-BCA ngày .../.../2025.

Căn cứ:.....<sup>4</sup>; Biên bản vụ việc số<sup>5</sup>:.....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Phân công ông/bà<sup>6</sup>:

1. .... (cán bộ thụ lý chính)

2. .... (cán bộ hỗ trợ)

3. ....

thuộc Cơ quan:.....

Tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết tin báo về vụ tai nạn giao thông đường sắt do<sup>7</sup>:

Tóm tắt diễn biến, hậu quả vụ TNGT:.....

Cán bộ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông được phân công có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thực hiện các biện pháp điều tra, xác minh quy định tại Thông tư số .../2025/TT-BCA ngày .../.../2025.

**Nơi nhận:**

- Cán bộ được phân công;
- Hồ sơ vụ TNGT
- Văn thư.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên chức vụ)

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên trực tiếp

<sup>2</sup> Tên đơn vị của người có thẩm quyền lập biên bản

<sup>3</sup> Phiên hiệu viết tắt đơn vị ban hành Quyết định phân công cán bộ.

<sup>4</sup> Quyết định giao quyền xử phạt hành chính của cấp trưởng cho cấp phó (nếu người ra quyết định phân công cán bộ là cấp phó).

<sup>5</sup> Vụ được ghi trong sổ theo dõi vụ TNGT đường sắt.

<sup>6</sup> Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, nhiệm vụ được phân công (thụ lý chính hay cán bộ hỗ trợ)

<sup>7</sup> Nếu là tin báo vụ tai nạn giao thông của cá nhân thì ghi rõ: Họ tên cá nhân, ngày tháng năm sinh, số CC/Hộ chiếu, nghề nghiệp, nơi làm việc, nơi cư trú. Nếu là tin báo vụ tai nạn giao thông của cơ quan, tổ chức thì ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin về vụ tai nạn.

\* **Biểu mẫu cơ thể đánh máy để soạn thảo.**

.....<sup>1</sup>  
.....<sup>2</sup>  
Số:...../KH-ĐT XM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
....., ngày.....tháng.....năm.....

## KẾ HOẠCH ĐIỀU TRA, XÁC MINH GIẢI QUYẾT VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Kính gửi:.....

Thực hiện quyết định số: ...../QĐ-PCCBĐT XM-.... ngày...../...../.....  
Quyết định phân công cán bộ xác minh, điều tra, giải quyết vụ TNGT đường sắt  
xảy ra hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Tôi:.....cấp bậc..... chức vụ .....

Đơn vị công tác:..... là cán bộ  
được phân công thụ lý chính để điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao  
thông nói trên, tiến hành xây dựng kế hoạch điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai  
nạn giao thông đường sắt tiếp theo như sau:

### I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Để đảm bảo quá trình thu thập tài liệu xác minh, giải quyết vụ tai nạn  
giao thông được khách quan, chính xác, đảm bảo các căn cứ chứng minh làm rõ  
nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn giao thông để xem xét xử lý trách nhiệm của  
các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Xác định lỗi của người điều khiển phương tiện giao thông dẫn đến để  
xảy ra vụ tai nạn tại nạn giao thông.

- Xác định tính chất, mức độ của vụ tai nạn giao thông để đề xuất xử lý theo  
pháp luật.

Quá trình xác minh đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục; kết thúc việc giải  
quyết vụ tai nạn giao thông đúng thời hạn pháp luật quy định.

### II. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác ghi lời khai, thu thập tài liệu (Người chủ trì, người phối hợp,  
nội dung tiến hành):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên;  
<sup>2</sup> Tên cơ quan lập kế hoạch;



**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Cán bộ được phân công thực hiện:

.....  
.....  
.....  
.....

2. Thời gian thực hiện (đảm bảo thời hạn điều tra, xác minh, giải quyết vụ TNGT theo khoản Điều 16a Thông tư số .../2025/TT-BCA):.....

.....  
.....

3. Kinh phí, phương tiện:.....

.....  
.....

4. Địa điểm tiến hành:.....

.....  
.....

**Ý KIẾN CỦA CHỈ HUY PHỤ TRÁCH**  
*(cho ý kiến và ký, ghi rõ họ tên)*

**CÁN BỘ LẬP KẾ HOẠCH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....  
.....  
.....  
.....

.....  
.....  
.....  
.....

**V. PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Như*



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG  
VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại<sup>3</sup> .....

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Chúng tôi gồm:

- Ông/bà: .....

thuộc Cơ quan .....

- Ông/bà: .....

thuộc Cơ quan .....

Người có liên quan trong vụ TNGT:

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày .... tháng ... năm ..... Quốc tịch .....Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại.....

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày .... tháng ... năm ..... Quốc tịch .....Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại.....

2. Người chứng kiến (nếu có):

- Ông/Bà: .....

Sinh ngày:...../...../.....Quốc tịch:.....Nghề nghiệp:.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại:.....

3. Với sự tham dự của<sup>4</sup>:

- Ông/bà .....

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên

<sup>2</sup> Tên cơ quan lập biên bản;

<sup>3</sup> Địa điểm lập biên bản: Km (số nhà), đường (phố); khu gian, ga, thuộc thôn (ấp), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP trực thuộc Trung ương).

<sup>4</sup> Có thể là cán bộ kỹ thuật hình sự, nhà chuyên môn; cán bộ cấp xã phường, thị trấn nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; người phiên dịch; người có liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

thuộc Cơ quan.....Số điện thoại.....  
- Ông/bà .....

thuộc Cơ quan.....Số điện thoại.....  
- Ông/bà .....

thuộc Cơ quan.....Số điện thoại.....  
Tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông:.....

trong điều kiện thời tiết (nắng, mưa, râm mát, sáng, tối):.....

**II. GHI NHẬN HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG**

1. Tình trạng hiện trường khi chúng tôi có mặt (ghi nhận những việc đã làm ảnh hưởng đến hiện trường): .....

2. Mô tả hiện trường chung nơi xảy ra tai nạn.

3. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết.



## 6. Phương tiện, tang vật, dấu vết và mẫu so sánh thu được.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

những phương tiện, tang vật, dấu vết và mẫu so sánh nói trên được thu lượm, bảo quản đưa về ..... để nghiên cứu xử lý.

Trong quá trình khám nghiệm hiện trường chúng tôi đã vẽ sơ đồ hiện trường, chụp ảnh và ghi hình hiện trường (nếu có).

Việc khám nghiệm hiện trường kết thúc hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... Biên bản này đã đọc lại cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng, ký tên xác nhận dưới đây./.

NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG VỤ  
TAI NẠN GIAO THÔNG  
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾN HÀNH  
KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG  
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM DỰ  
(Đồng ký, ghi rõ họ tên)

*Handwritten signature*

(1) .....  
(2) .....

# SƠ ĐỒ HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại<sup>(3)</sup> .....

Mẫu số 08/TNDS  
Ban hành theo Thông tư số 43/2025/TT-BCA  
ngày 21/02/2025

Tỉ lệ ...../.....

**CHÚ DẪN:**

<b>NGƯỜI THAM DỰ</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>NGƯỜI CHỨNG KIẾN</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>NGƯỜI TIẾN HÀNH KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>NGƯỜI VẼ SƠ ĐỒ</b> (Ký, ghi rõ họ tên)
---	--	--	---	--

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp;  
(2) Tên cơ quan vẽ sơ đồ;  
(3) Địa điểm vẽ sơ đồ: Km (số nhà), Đường (phố), thôn (ấp), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP trực thuộc Trung ương);  
\* Chú ý: Sơ đồ hiện trường được in trên khổ giấy A3 hoặc khổ giấy lớn hơn.



*Quah*



2. Hiện trường trước khi tiến hành khám nghiệm<sup>4</sup>

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

II. QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

1. Biện pháp tiến hành<sup>5</sup>

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

2. Lực lượng tham gia, phương pháp và thời gian tiến hành khám nghiệm:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

<sup>4</sup> Đánh giá những yếu tố làm ảnh hưởng, sai lệch các dấu vết, vị trí, tang vật, phương tiện ở hiện trường làm cho việc thu thập dấu vết không đảm bảo chính xác, dấu vết nào còn nguyên vẹn và dấu vết nào có khả năng bị ảnh hưởng không còn nguyên vẹn, dấu vết mới hình thành do TNGT, những dấu vết có trên hiện trường nhưng không liên quan...

<sup>5</sup> Những hoạt động thu thập dấu vết, tang vật phương tiện; biện pháp đó vẽ hiện trường; cấp cứu người bị nạn, truy bắt đối tượng gây tai nạn bỏ trốn (nếu có) và các biện pháp tiến hành khác.

\* Biểu mẫu có thể đánh máy để soạn thảo.

*Nguy*





2. Sơ bộ đánh giá nguyên nhân ban đầu gây TNGT

**IV. ĐỀ XUẤT** *(Phương hướng và các biện pháp điều tra tiếp theo)*

**Ý KIẾN CỦA CHỈ HUY PHỤ TRÁCH**

*(cho ý kiến và ký, ghi rõ họ tên)*

**CÁN BỘ TIẾN HÀNH  
KHÁM NGHIỆM**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**V. PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO**

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VI**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



.....<sup>1</sup>  
.....<sup>2</sup>

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN  
LIÊN QUAN ĐẾN VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại<sup>(3)</sup> .....

Chúng tôi gồm:

- Ông/bà: .....  
thuộc Cơ quan .....

- Ông/bà: .....  
thuộc Cơ quan .....

Người có liên quan trong vụ TNGT

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày.....tháng.....năm.....; Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú hoặc nơi ở hiện tại): .....

Số điện thoại.....

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày.....tháng.....năm.....; Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú hoặc nơi ở hiện tại): .....

Số điện thoại.....

Người chứng kiến (nếu có):

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày.....tháng.....năm.....; Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú hoặc nơi ở hiện tại): .....

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên

<sup>2</sup> Tên cơ quan lập biên bản

*Quach*



3. Ghi nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện:

.....  
 .....  
 .....

4. Đặc điểm, tình trạng hàng hoá trên phương tiện: (nếu có liên quan đến tai nạn)

.....  
 .....  
 .....

5. Thu mẫu vật để yêu cầu giám định: (nếu có)

.....  
 .....  
 .....

Trong quá trình khám nghiệm phương tiện chúng tôi đã chụp ảnh và ghi hình (nếu có).

Việc khám nghiệm phương tiện kết thúc hồi .... giờ .... phút, ngày .... tháng .... năm ..... Biên bản này đã đọc lại cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng, ký tên xác nhận dưới đây.

**NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG VỤ  
 TAI NẠN GIAO THÔNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI CHỦ TRÌ KHÁM NGHIỆM<sup>(6)</sup>**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI THAM DỰ**  
*(Đồng ký, ghi rõ họ tên, vai trò)*

<sup>6</sup> Cán bộ được phân công điều tra, xác minh, giải quyết vụ TNGT ký tên.



.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

3. Nguyên nhân sơ bộ:.....  
.....

4. Các hành vi vi phạm của các bên có liên quan trong vụ TNGT:.....  
.....  
.....

5. Đề xuất<sup>4</sup>:  
.....  
.....  
.....

**Ý KIẾN CỦA CHỈ HUY PHỤ TRÁCH**  
*(cho ý kiến và ký, ghi rõ họ tên)*

**CÁN BỘ ĐỀ XUẤT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....  
.....  
.....  
.....

6. Phê duyệt của lãnh đạo

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

<sup>4</sup> Đề xuất các biện pháp xác minh thêm (nếu có), kéo dài thời hạn xác minh; trường hợp báo cáo đề xuất kết thúc phải đề xuất hình thức giải quyết vụ TNGT theo quy định của pháp luật hành chính (nếu đầy đủ căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật) hoặc biện pháp giải quyết vụ TNGT nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm đồng thời việc xử lý phương tiện, tang vật có liên quan đến vụ TNGT theo quy định pháp luật.

\* Biểu mẫu có thể đánh máy để soạn thảo.







.....(1) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
.....(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ DẤU VẾT THƯƠNG TÍCH  
TRÊN THÂN THỂ NGƯỜI BỊ NẠN**  
(Kèm theo biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn)

Tôi..... cấp bậc..... chức vụ.....

Tiến hành ghi nhận sơ đồ vị trí, dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn đối với người liên quan trong vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... tại<sup>(3)</sup>.....

Họ tên người bị nạn: ..... Nam/nữ:.....

Sinh ngày ... tháng ... năm ..... Quốc tịch ..... Nghề nghiệp.....

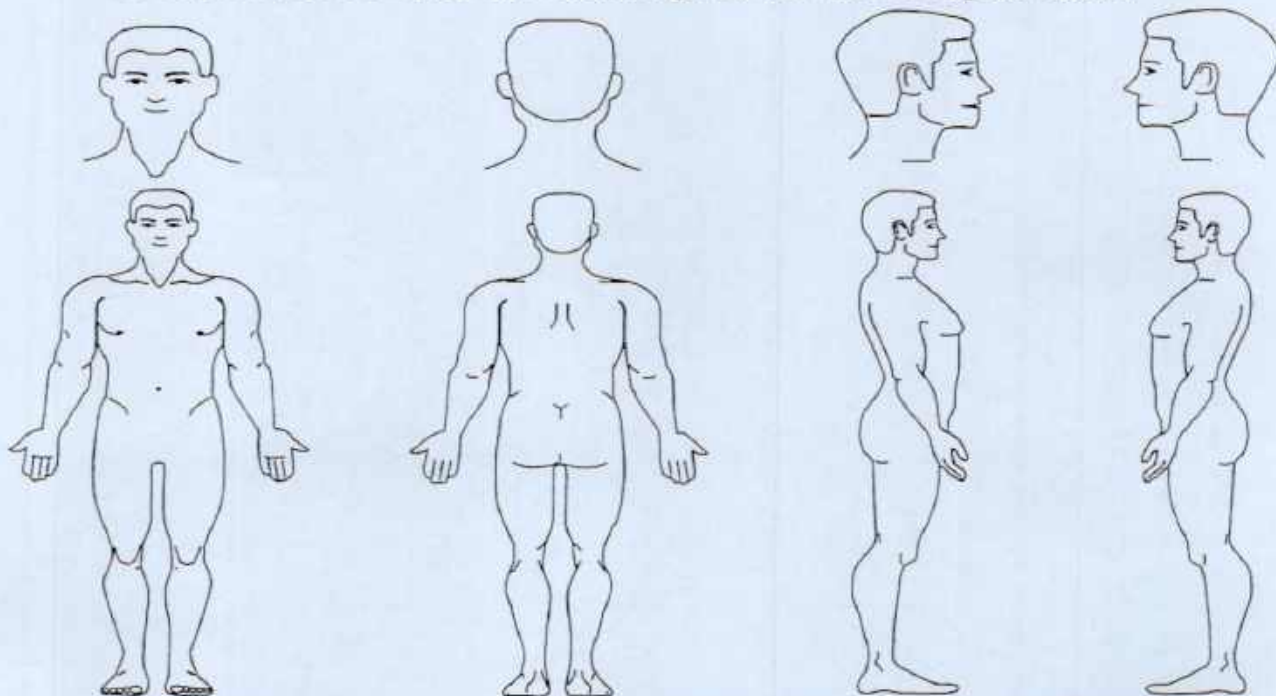
Căn cước hoặc hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại:.....

Sơ đồ phác họa các vị trí, dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn:



**NGƯỜI BỊ NẠN**

(ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI VẼ SƠ ĐỒ**

(ký, ghi rõ họ tên)

1) Tên cơ quan cấp trên;

2) Tên cơ quan lập biên bản;

3) Địa điểm ghi nhận dấu vết: Tại hiện trường xảy ra vụ tai nạn hoặc địa điểm sơ cấp cứu...

.....<sup>(1)</sup> CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
.....<sup>(2)</sup> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số: ...../TB-KQĐT-XM-....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, XÁC MINH GIẢI QUYẾT VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Tôi..... cấp bậc....., chức vụ.....  
Đơn vị công tác.....

Căn cứ kết quả điều tra, xác minh đối với vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm tại<sup>(3)</sup> .....

Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông như sau:

### 1. Diễn biến vụ tai nạn giao thông đường sắt

### 2. Hậu quả thiệt hại: (về người, về tài sản)

### 3. Nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông:

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên;

<sup>2</sup> Tên cơ quan thụ lý vụ tai nạn giao thông;

<sup>3</sup> Địa điểm xảy ra tai nạn: Km (số nhà), đường (phố); khu gian, ga, áp, xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP trực thuộc Trung ương)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hành vi vi phạm hành chính và hình thức xử phạt đối với các bên liên quan trong vụ tai nạn giao thông đường sắt<sup>4</sup>

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Nơi nhận:**

- Thủ trưởng đơn vị (để báo cáo)<sup>5</sup>;
- Người liên quan trong vụ TNGT;
- Lưu: Hồ sơ vụ TNGT; văn thư.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>4</sup> Ghi cụ thể người vi phạm, hành vi vi phạm và hình thức xử phạt được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào (nêu rõ điểm, khoản, điều của văn bản).

<sup>5</sup> Nếu lãnh đạo ký thông báo là cấp phó.

\* Biểu mẫu có thể đánh máy để soạn thảo.

*Handwritten signature*

.....<sup>1</sup>  
.....<sup>2</sup>

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN GIẢI QUYẾT VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại: .....

Căn cứ Thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt số...../TB-KQĐT.XM..... ngày ...../...../.....;

Xét đề nghị của các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông:

Chúng tôi gồm:

- Ông/bà: ..... cấp bậc.....  
chức vụ .....

- Ông/bà: ..... cấp bậc.....  
chức vụ .....

Với sự tham gia của các bên liên quan vụ tai nạn giao thông:

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày ... tháng ... năm ..... Quốc tịch ..... Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại:.....

Tư cách tham gia: .....

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày ... tháng ... năm ..... Quốc tịch ..... Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại:..... Tư cách tham gia: .....

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....;

Sinh ngày ... tháng ... năm ..... Quốc tịch ..... Nghề nghiệp.....

Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

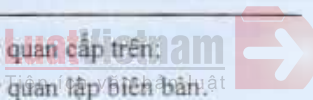
Nơi cấp.....

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....

Số điện thoại:..... Tư cách tham gia: .....

<sup>1</sup> Tên cơ quan cấp trên.

<sup>2</sup> Tên cơ quan lập biên bản.



*Handwritten signature*

- Ông/bà..... Nam/nữ:.....  
 Sinh ngày ... tháng ... năm ..... Quốc tịch ..... Nghề nghiệp.....  
 Số căn cước hoặc hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....  
 Nơi cấp.....  
 Địa chỉ (thường trú, tạm trú, hoặc nơi ở hiện tại):.....  
 Số điện thoại:..... Tư cách tham gia: .....

*(Đối với vụ TNGT có nhiều người liên quan ghi thông tin tương tự như trên)*

.....  
 .....

Tiến hành ghi nhận việc giải quyết vụ tai nạn giao thông xảy ra hồi ..... giờ .....  
 phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại .....  
 ..... như sau:

1. Nội dung, diễn biến, hậu quả thiệt hại của vụ tai nạn giao thông:

.....  
 .....

2. Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn (đánh giá lỗi, hành vi vi phạm gây ra TNGT và các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông khác có liên quan trong vụ TNGT):

.....  
 .....

*Handwritten signature*



.....  
 .....  
 .....  
 5. Ý kiến của các bên có liên quan (ý kiến về kết luận diễn biến, nguyên nhân, lỗi vi phạm, hành vi vi phạm của các bên liên quan trong vụ TNGT):  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

Việc giải quyết kết thúc hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ....., đã đọc lại và giải thích quyền lợi, nghĩa vụ cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng, ký tên xác nhận dưới đây. Biên bản này được lập thành ..... bản, (giao cho mỗi bên liên quan 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ; 01 lưu văn thư cơ quan thụ lý vụ tai nạn)/.

**CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN TAI NẠN**  
 (Đồng ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....(1) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
.....(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số:...../KH-DLHT-....., ngày.....tháng.....năm.....

## KẾ HOẠCH DỪNG LẠI HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Kính gửi:.....

Thực hiện quyết định phân công cán bộ xác minh, giải quyết vụ TNGT đường sắt số: ...../QĐ-PCCBXM-... ngày ...../...../.....

Căn cứ quy định tại khoản ..., Điều 15, Thông tư .../2025/TT-BCA ngày .... về quy định trình tự điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của lực lượng Cảnh sát giao thông, qua các tài liệu thu thập được, xét thấy hiện trường vụ tai nạn giao thông (*bị xáo trộn hoặc hiện trường giả hoặc xét thấy cần thiết cho việc điều tra, xác minh, giải quyết*).....;

Tôi:..... cấp bậc..... chức vụ .....

Đơn vị công tác:..... là cán bộ được phân công thụ lý chính để điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt nói trên, tiến hành xây dựng kế hoạch dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Để có căn cứ đảm bảo tính khách quan của hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt, đồng thời phối hợp với người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông dựng lại chính xác hiện trường phục vụ cho công tác điều tra, xác minh nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của vụ tai nạn giao thông.

- Việc dựng lại hiện trường phải đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 10 Điều 15 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định về trình tự điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông.

- Kết thúc việc dựng lại hiện trường cán bộ được phân công báo phải lập biên bản khám nghiệm hiện trường (*theo mẫu số 07/TNDS*); sơ đồ hiện trường vụ TNGT đường bộ (*theo mẫu số 08/TNDS*) và cáo lãnh đạo có thẩm quyền kết quả khám nghiệm hiện trường (*theo mẫu số 09//TNDS*) quy định tại Thông tư số ...../2025/TT-BCA.

### II. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

.....  
.....



.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Lực lượng phối hợp thực hiện *(nếu có)*:

.....  
.....

- Thời gian thực hiện.....

- Kinh phí, phương tiện:

.....  
.....

- Các đề xuất khác để tổ chức thực hiện:

.....  
.....

**Ý KIẾN CỦA CHỈ HUY PHỤ TRÁCH**

*(cho ý kiến, ký, ghi rõ họ tên)*

.....  
.....  
.....

**CÁN BỘ LẬP KẾ HOẠCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**IV. PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Quah*





(1).....  
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../PC-.....

.....(3)....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU CHUYỀN**

**Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ về hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường thủy**

Kính gửi: .....(4).....

.....(2)..... chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với:

Phương tiện giao thông (ghi rõ loại phương tiện, số đăng ký, số đăng kiểm):.....

Chủ phương tiện: .....; Địa chỉ: .....

Thời gian, địa điểm vi phạm: .....

Hành vi vi phạm: ..... được quy định tại Nghị định số ...../NĐ-CP ngày .../.../... của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực.....

Ngày...../...../....., .....(2)..... đã gửi thông báo đến chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm đến trụ sở cơ quan Công an để giải quyết vụ việc.

Đề nghị .....(4)..... thực hiện giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật khi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm đến trụ sở đơn vị để giải quyết vụ việc./.

*(Kèm theo kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ghi chú**

- (1) Cơ quan chủ quản.
- (2) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt (nơi phát hiện vi phạm).
- (3) Địa danh.
- (4) Tên cơ quan Công an cấp tỉnh hoặc Công an cấp xã nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân liên quan đến hành vi vi phạm cư trú, đóng trụ sở.

(1): .....  
(2): .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... (3) ....., ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường thủy**

Kính gửi:.....(4).....

.....(2)..... đã sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ/ tiếp nhận kết quả ghi thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của ..... (5) ..... phát hiện và ghi nhận:

Phương tiện (ghi rõ loại phương tiện, số đăng ký, số đăng kiểm): .....

Chủ phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Thời gian, địa điểm vi phạm: .....

Hành vi vi phạm: ....., được quy định tại Nghị định số ...../...../ND-CP ngày .../.../... của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực.....

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng (nếu có):.....

Yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm đúng.....giờ..... ngày...../...../.....có mặt tại trụ sở.....(2)....., để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật. Nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan .....(2)..... để giải quyết vụ việc vi phạm, thì đúng .....giờ..... ngày...../...../.....có mặt tại trụ sở.....(6)....., để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật.

Khi đến giải quyết phải mang theo thông báo này và các giấy tờ có liên quan đến phương tiện và người điều khiển phương tiện.

Nếu quá thời gian trên, người được yêu cầu không đến để giải quyết vụ việc vi phạm, thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./

*(Kèm theo kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ..... (7).....
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Ghi chú**

- (1) Cơ quan chủ quản.
- (2) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt; đơn vị phát hiện vi phạm.
- (3) Địa danh.
- (4) Chủ phương tiện.
- (5) Đơn vị chuyển kết quả ghi thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật (nếu có).
- (6) Tên cơ quan Công an cấp tỉnh hoặc Công an cấp xã (nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm cư trú, đóng trụ sở) mà cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm đã chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Mẫu số 05/36

Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA  
Ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

(1).....  
(2).....

**SỔ TIẾP NHẬN THÔNG TIN, HÌNH ẢNH PHẢN ÁNH VI PHẠM  
HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY**

Đơn vị sử dụng: (3):.....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Quyển số: .....

**Ghi chú:**

(1): Cục Cảnh sát giao thông; Công an cấp tỉnh;

(2): Thuyền đoàn; Phòng Cảnh sát giao thông;

(3): Đội.....; Thuyền đội.... Trạm.....


\* In trên khổ A3, 100 trang (không kể bìa), bìa màu xanh ngọc.

ST T	Thời gian tiếp nhận	Tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc tên phương tiện thông tin đại chúng đăng tải, mạng xã hội		Loại thông tin, hình ảnh	Đại diện tổ chức, cá nhân ký tên (Trường hợp cung cấp trực tiếp)	Cán bộ tiếp nhận (Ký tên)	Kết quả xác minh, xử lý								Ghi chú	
		Tên hoặc họ và tên	Địa chỉ				Số biên bản, quyết định xử phạt	Họ tên, địa chỉ người vi phạm	Loại phương tiện thủy, biển số đăng ký hành chính hoặc mã VR	Thời gian, hành vi vi phạm	Biện pháp ngăn chặn, biện pháp khác	Phạt tiền	Hình thức xử phạt bổ sung	Thực hiện quyết xử phạt		Không vi phạm hoặc không đủ căn cứ xác định vi phạm
1																
2																
3																
4																
5																
...																

## GIẤY PHÉP LÁI XE CÔNG AN NHÂN DÂN

### 1. Mặt trước

85,6 mm

<b>BỘ CÔNG AN</b> 	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	QR CODE
<b>GIẤY PHÉP LÁI XE</b>		
Ảnh 2 x 3 cm	Số: (1)	Hạng: (2)
	Họ và tên:	Nhóm máu:
	Sinh ngày:	Số định danh cá nhân:
	Đơn vị:	.....(3)..... ngày tháng năm .....(4).....
	Có giá trị đến: (5) Ngày trưng tuyến: (6)	

53,98 mm

### 2. Mặt sau

85,6 mm

<b>NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý</b>	
1. Cán bộ, chiến sĩ chỉ được điều khiển phương tiện phù hợp với hạng xe được phép điều khiển ghi trong giấy phép lái xe.	
2. Luôn mang theo giấy phép lái xe khi điều khiển phương tiện giao thông.	
3. Trước khi giấy phép lái xe hết giá trị, cán bộ, chiến sĩ phải đến Cơ quan Cảnh sát giao thông để làm thủ tục đổi giấy phép lái xe.	
4. Người có giấy phép lái xe này khi không phục vụ trong ngành công an thì được đổi sang giấy phép lái xe ban hành kèm theo Thông tư của Bộ Công an quy định về sai hạch, cấp giấy phép lái xe, cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.	
Số phôi: ...	

53,98 mm

#### Ghi chú:

- (1) Số giấy phép lái xe.
  - (2) Hạng cao nhất của GPLX được cấp.
  - (3) Địa danh.
  - (4) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ghi Trưởng phòng.
  - (5) GPLX mô tô ghi không thời hạn, GPLX ô tô ghi ngày...tháng...năm...hết giá trị.
  - (6) Ghi ngày...tháng...năm....
- GPLX nền màu vàng, logo CSGT in chìm.
  - Phôi GPLX được làm bằng vật liệu nhựa tổng hợp PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có lớp màng phủ bảo an;
  - Kích thước: 85,6mm x 53,98mm x 0,76mm (theo tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);
  - Chữ ký của người có thẩm quyền cấp và con dấu thu nhỏ được lưu trữ và in từ phần mềm.
  - Có mã QR code ở góc trên, bên phải, mặt trước để đọc, giải mã nhanh thông tin trên giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

*Nhà*



...(1)

...(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG  
LÀM NHIỆM VỤ CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
(Ngày...tháng...năm...)

STT	(3) Vị trí (nút)	(4) Thời gian	(5) Họ tên CBCS	(6) Cấp bậc, chức vụ	(7) Phương tiện; vũ khí, công cụ hỗ trợ; thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ; biểu mẫu sử dụng	(8) Ký hiệu thông tin	Ghi chú
1							
2							
3							

**Nơi nhận:**

\* **Ghi chú**

- (1) Cơ quan chủ quản: : Cấp Phòng.
- (2) Cơ quan lập kế hoạch: Cấp Đội, Trạm.
- (3) Ghi rõ tên vị trí, nút giao thông cần bố trí lực lượng làm nhiệm vụ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.
- (4) Ghi rõ thời gian làm nhiệm vụ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.
- (5) Ghi rõ họ tên của CBCS làm nhiệm vụ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ (đối với vị trí hoặc nút giao thông có từ 02 CBCS làm nhiệm vụ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ thì phải ghi rõ CBCS nào làm Tổ trưởng).
- (6) Ghi rõ cấp bậc của CBCS làm nhiệm vụ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ.
- (7) Ghi rõ loại phương tiện sử dụng (ô tô, xe máy chuyên dùng, biển kiểm soát); vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (ghi rõ số lượng, chủng loại, số seri), các biểu mẫu.
- (8) Ghi rõ quy ước thông tin.

**CHỈ HUY ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Như*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BỘ CÔNG AN**

(1).....

(2).....

**SỔ BÁO CÁO KẾT QUẢ**  
**CA CÔNG TÁC CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Đơn vị sử dụng: (3).....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Quyển số: .....

## KẾT QUẢ CA CÔNG TÁC CHỈ HUY, ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG (CHĐKGT) ĐƯỜNG BỘ

- Cảnh sát CHĐKGT (4): ..... , cấp bậc....., chức vụ.....  
..... , cấp bậc....., chức vụ.....  
..... , cấp bậc....., chức vụ.....  
..... , cấp bậc....., chức vụ.....  
..... , cấp bậc....., chức vụ.....
- Thời gian ca công tác (5): .....
- Vị trí công tác (6): .....
- Tình hình trật tự, an toàn giao thông (7): .....
- Kết quả xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ (8): .....
- Kiến nghị, đề xuất (9): .....

**Cảnh sát CHĐKGT báo cáo**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### Ghi chú:

- (1) Cấp Cục, cấp tỉnh.
  - (2) Cấp Phòng.
  - (3) Cấp Đội, Trạm.
  - (4) Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ.
  - (5) Ghi rõ thời gian công tác (từ giờ ....đến giờ.....).
  - (6) Ghi rõ vị trí được phân công.
  - (7) Ghi kết quả tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ (lưu lượng phương tiện, tình trạng hoạt động hệ thống đèn tín hiệu giao thông đường bộ, có xảy ra ùn tắc giao thông không, nếu xảy ra thì ghi rõ thời gian từ giờ .....đến giờ....., biện pháp giải quyết).
  - (8) Ghi tổng số các trường hợp vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã xử lý, nội dung vi phạm, hình thức xử lý.
  - (9) Kiến nghị, đề xuất biện pháp nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- \* In trên khổ A4, 300 trang (không kể bìa), bìa màu xanh ngọc.

Mẫu số 01/73

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

(1) ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(2) ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../TB..... (3)....., ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**

**Vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

Kính gửi:.....(4).....

.....(5)..... đã sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc tiếp nhận kết quả ghi thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của ..... (6) ..... phát hiện và ghi nhận:

Phương tiện (ghi rõ loại phương tiện, biển số, màu biển số): .....

Chủ phương tiện:.....; số định danh cá nhân/cơ quan/tổ chức hoặc số Căn cước/Căn cước công dân (nếu có).....

Địa chỉ: .....

Thời gian, địa điểm vi phạm: .....

Hành vi vi phạm: ....., được quy định tại Nghị định số ...../ND-CP ngày ...../..... của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng (nếu có):.....

Yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm đúng.....giờ..... ngày...../...../..... có mặt tại trụ sở.....(2)..... để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật. Nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan .....(2)..... để giải quyết vụ việc vi phạm, thì đúng .....giờ..... ngày...../...../..... có mặt tại trụ sở.....(7)..... để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật.

Khi đến giải quyết phải mang theo thông báo này và các giấy tờ có liên quan đến phương tiện và người điều khiển phương tiện.

Nếu quá thời gian trên, người được yêu cầu không đến để giải quyết vụ việc vi phạm, thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./

(Kèm theo kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ..... (7).....
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Họ và tên

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan chủ quản.
- (2) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt.
- (3) Địa danh.
- (4) Chủ phương tiện.
- (5) Đơn vị phát hiện vi phạm.
- (6) Đơn vị chuyển kết quả ghi thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật (nếu có).
- (7) Tên Công an cấp xã (nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm cư trú, đóng trụ sở) mà cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm đã chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Mẫu số 02/73

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

(1) ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(2) ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../TB..... .....(3)....., ngày..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO**  
**Về việc trừ điểm giấy phép lái xe**

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-XPHC ngày...../.../..... về xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà): .....

Điều khiển phương tiện (ghi rõ loại phương tiện (ô tô hoặc mô tô), biển số, màu biển số, số đăng ký) vi phạm: .....

Số định danh cá nhân hoặc số Căn cước/Căn cước công dân .....

Nơi cư trú:.....

Số điểm hiện có của giấy phép lái xe (loại ô tô hoặc mô tô, số....., hạng: ..... ngày cấp: .../.../....., tại: .....):.....

Số điểm bị trừ (ghi rõ số điểm của giấy phép lái xe ô tô hoặc mô tô):.....;

Số điểm còn lại (ghi rõ điểm của giấy phép lái xe ô tô hoặc mô tô): .....

Trường hợp ông (bà) bị trừ hết điểm giấy phép lái xe, sau thời hạn ít nhất 06 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm được tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định, nếu có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm giấy phép lái xe.

..... (4) ..... thông báo để ông (bà) biết, chấp hành các quy định của pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**  
**TRỪ ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE**  
(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan chủ quản.
- (2), (4) Cơ quan của người có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe.
- (3) Địa danh.

*Như*

Mẫu số 03/73

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

(1) ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(2) ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... /PC..... .....(3)....., ngày..... tháng ..... năm .....

### PHIẾU CHUYỂN

**Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ về hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

Kính gửi: .....(4).....

.....(2)..... chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với:

Phương tiện giao thông (ghi rõ loại phương tiện, biển số, màu biển):.....

Chủ phương tiện: .....; số định danh cá nhân/cơ quan/tổ chức hoặc số Căn cước/ Căn cước công dân (nếu có) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian, địa điểm vi phạm: .....

Hành vi vi phạm: ..... được quy định tại Nghị định số ...../ND-CP ngày .../.../... của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Ngày...../...../.....(2)..... đã gửi thông báo đến chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm đến trụ sở cơ quan Công an để giải quyết vụ việc.

Đề nghị .....(4)..... thực hiện giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật khi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm đến trụ sở đơn vị để giải quyết vụ việc.

(Kèm theo kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Chữ ký, đóng dấu/chữ ký số)

Họ và tên

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan chủ quản.
- (2) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt (nơi phát hiện vi phạm).
- (3) Địa danh.
- (4) Tên cơ quan Công an cấp xã nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân liên quan đến hành vi vi phạm cư trú, đóng trụ sở.

*Quỳnh*

Mẫu số 05/73

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BỘ CÔNG AN**

(1).....  
(2).....

**SỔ TIẾP NHẬN DỮ LIỆU (THÔNG TIN, HÌNH ẢNH) PHẢN ÁNH VI PHẠM  
HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Đơn vị sử dụng: (3).....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Quyển số: .....

**Ghi chú:**

(1) Cục Cảnh sát giao thông; Công an cấp tỉnh.

(2) Phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; Phòng Cảnh sát giao thông.

(3) Đội...; Trạm...

\* In trên khổ A3, 100 trang (không kể bìa), bìa màu xanh ngọc.

*Quah*

Số thứ tự	Thời gian tiếp nhận	Cá nhân, tổ chức cung cấp hoặc tên phương tiện thông tin đại chúng đăng tải, mạng xã hội		Loại thông tin, hình ảnh	Đại diện tổ chức, cá nhân ký ghi rõ họ tên; số định danh cá nhân, số căn cước công dân (Trường hợp cung cấp trực tiếp)	Cán bộ tiếp nhận (Ký ghi rõ họ tên)	Kết quả xác minh, xử lý									Ghi chú
		Tên hoặc họ và tên; số định danh cá nhân, số căn cước công dân	Địa chỉ				Số biên bản, quyết định xử phạt	Họ tên, địa chỉ người vi phạm	Loại phương tiện giao thông, biển số	Thời gian, hành vi vi phạm	Biện pháp ngăn chặn, biện pháp khác	Phạt tiền	Hình thức xử phạt bổ sung, trừ điểm giấy phép lái xe	Thực hiện quyết định xử phạt	Không vi phạm hoặc không đủ căn cứ xác định vi phạm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
-																
-																
-																
.....																



## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

### 1. Mặt trước:

85.6 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

(1) \_\_\_\_\_  
(2) \_\_\_\_\_  
(3) \_\_\_\_\_  
(4) \_\_\_\_\_

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY  
Motorbike Registration Certificate

Số (Number):

53.98

### 2. Mặt sau:

85.6 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu (Brand): Số loại (Model code):

Loại xe (Type): Màu sơn (Color):

Dung tích (Capacity): cm<sup>3</sup>; Công suất (Rated power): kw

Số máy (Engine N°):

Số khung (Chassis N°):

Biển số đăng ký (Number Plate) (5) (date), ngày tháng năm ... (6) ...

Giá trị đến ngày (Date of expiry):

53.98 mm

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở TRUNG ƯƠNG	Ở ĐỊA PHƯƠNG
(1)	BỘ CÔNG AN	BỘ CÔNG AN
(2)	Ministry of Public Security	Ministry of Public Security
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(4)	Traffic Police Department	Police of + tên địa phương+ Province/City
(5)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(6)	CỤC TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG; TRƯỞNG CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; TRƯỞNG ĐÓN CÔNG AN

Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy in trên phối chất liệu giấy bảo an tổng hợp, có mã QR: kích thước 85.6 x 53.98 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu.

Mã QR chứa các trường thông tin đăng ký xe cơ bản sau: Biển số xe; màu biển số (nền màu xanh, chữ và số màu trắng được viết tắt là "Xanh"; nền màu trắng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Trắng"); số máy, số khung; xe thông minh cho phép tự động hóa điều khiển (viết tắt là: xe thông minh); xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (viết tắt là: xe xanh).

## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

### 1. Mặt trước:

85.6 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

(1)  
(2)  
(3)  
(4)

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ  
Car Registration Certificate

Số (Number):

58.89 mm

### 2. Mặt sau

85.6 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu (Brand): Số loại (Model code):  
Loại xe (Type): Màu sơn (Color):  
Số máy (Engine N°):  
Số khung (Chassis N°):  
Trọng tải (Cargo mass): kg; Số chỗ (seats): (5)  
KL. toàn bộ (Total mass): kg; KL. kéo theo (Towed mass): kg  
Biển số đăng ký ... (6) ... (date), ngày tháng năm  
(Number Plate) ... (7) ...

Giá trị đến ngày  
(Date of expiry)

53.98 mm

### Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở TRUNG ƯƠNG	Ở ĐỊA PHƯƠNG
(1)	BỘ CÔNG AN	BỘ CÔNG AN
(2)	Ministry of Public Security	Ministry of Public Security
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(4)	Traffic Police Department	Police of + tên địa phương + Province /City
(6)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(7)	CỤC TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG; TRƯỞNG CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; TRƯỞNG ĐƠN CÔNG AN

(5) Số chỗ bao gồm: số chỗ ngồi, chỗ đứng, chỗ nằm.  
Chứng nhận đăng ký xe ô tô in trên phiôi chất liệu giấy bảo an tổng hợp, có mã vạch QR. Kích thước 85.6 x 53.98 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu.

Mã QR chứa các trường thông tin đăng ký xe cơ bản sau: Biển số xe; màu biển số (nền màu xanh, chữ và số màu trắng được viết tắt là "Xanh"; nền màu trắng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Trắng"; nền màu vàng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Vàng"); số máy, số khung; xe thông minh cho phép tự động hóa điều khiển (viết tắt là: xe thông minh); xe sử dụng năng lượng sạch; năng lượng xanh, thân thiện môi trường (viết tắt là: xe xanh).

Bach

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ RƠ MOỐC, SƠ MI RƠ MOỐC

1. Mặt trước 85.6 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

\_\_\_\_ (1) \_\_\_\_  
\_\_\_\_ (2) \_\_\_\_  
\_\_\_\_ (3) \_\_\_\_  
\_\_\_\_ (4) \_\_\_\_

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ RƠ MOỐC, SƠ MI RƠ MOỐC  
Articulated Vehicle Registration Certificate  
(Tractor + Semi-Trailer)  
Số (Number):

53.98 mm

2. Mặt sau 85.6 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu (Brand): Số loại (Model code):  
Loại xe (Type): Màu sơn (Color):  
Số khung (Chassis N°):  
Trọng tải (Cargo mass): kg; KL: toàn bộ (Total mass): kg  
Biển số đăng ký (Number Plate): ... (5) ..., (date), ngày tháng năm ... (6) ...

Giá trị đến ngày (Date of expiry):

53.98 mm

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở TRUNG ƯƠNG	Ở ĐỊA PHƯƠNG
(1)	BỘ CÔNG AN	BỘ CÔNG AN
(2)	Ministry of Public Security	Ministry of Public Security
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(4)	Traffic Police Department	Police of + tên địa phương + Province /City
(6)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(7)	CỤC TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG; TRƯỞNG CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; TRƯỞNG ĐƠN CÔNG AN

Chứng nhận đăng ký xe rơ moóc, sơ mi rơ moóc in trên phiôi chất liệu giấy bảo an tổng hợp, có mã vạch QR. Kích thước 85.6 x 53.98 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu.  
Mã QR chứa các trường thông tin đăng ký xe cơ bản sau: Biển số xe; màu biển số (nền màu xanh, chữ và số màu trắng được viết tắt là "Xanh"; nền màu trắng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Trắng"); số máy, số khung.

## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI

### 1. Mặt trước

85.6 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

(1) \_\_\_\_\_  
(2) \_\_\_\_\_  
(3) \_\_\_\_\_  
(4) \_\_\_\_\_

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI  
(Temporary Vehicle Registration Certificate)  
Số (Number):

53.98 mm

### 2. Mặt sau

85.6 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu (Brand): Số loại (Model code):  
Loại xe (Type): Màu sơn (Color):  
Số chỗ (Seats):  
Số máy (Engine N°):  
Số khung (Chassis N°):  
Phạm vi hoạt động:  
Biển số đăng ký ....(5)... (date), ngày tháng năm  
(Number Plate) .... (6) ....

Giá trị đến ngày  
(Date of expiry):

53.98 mm

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở TRUNG ƯƠNG	Ở ĐỊA PHƯƠNG
(1)	BỘ CÔNG AN	BỘ CÔNG AN
(2)	Ministry of Public Security	Ministry of Public Security
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(4)	Traffic Police Department	Police of + tên địa phương + Province /City
(6)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(7)	CỤC TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG; TRƯỞNG CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; TRƯỞNG ĐƠN CÔNG AN

Chứng nhận đăng ký xe tạm thời, sơ mi sơ mi in trên phiôi chất liệu giấy bảo an tổng hợp, có mã vạch QR. Kích thước 85.6 x 53.98 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu. Số chỗ bao gồm: số chỗ ngồi, chỗ đứng, chỗ nằm.

Mã QR chứa các trường thông tin đăng ký xe cơ bản sau: Biển số xe; màu biển số (nền màu xanh, chữ và số màu trắng được viết tắt là "Xanh"; nền màu trắng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Trắng"; nền màu vàng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Vàng"); số máy, số khung; xe thông minh cho phép tự động hóa điều khiển (viết tắt là: xe thông minh); xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (viết tắt là: xe xanh).

Mười

## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

### 1. Mặt trước:

85.6 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Socialist Republic of Viet Nam

\_\_\_\_ (1) \_\_\_\_  
\_\_\_\_ (2) \_\_\_\_  
\_\_\_\_ (3) \_\_\_\_  
\_\_\_\_ (4) \_\_\_\_

**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**  
Transport construction machinery  
registration certificate

Số (Number):

53.98 mm

### 2. Mặt sau

85.6 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu (Brand): Số loại (Model code):  
Loại xe (Type): Màu sơn (Color):

Số máy (Engine N°):  
Số khung (Chassis N°):

KL toàn bộ (Total mass): kg; KL kéo theo (Towed mass): kg

Biển số đăng ký ..(5).... (date) ngày... tháng... năm  
(Number Plate) ... (6) ...

Giá trị đến ngày  
(Date of expiry):

53.98 mm

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở TRUNG ƯƠNG	Ở ĐỊA PHƯƠNG
(1)	BỘ CÔNG AN	BỘ CÔNG AN
(2)	Ministry of Public Security	Ministry of Public Security
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(4)	Traffic Police Department	Police of + tên địa phương + Province /City
(6)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(7)	CỤC TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG; TRƯỞNG CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; TRƯỞNG ĐƠN CÔNG AN

Chứng nhận đăng ký xe cơ giới, sơ mi cơ giới in trên phôi chất liệu giấy bảo an tổng hợp, có mã vạch QR. Kích thước 85.6 x 53.98 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu.

Mã QR chứa các trường thông tin đăng ký xe cơ bản sau: Biển số xe; màu biển số (nền màu xanh, chữ và số màu trắng được viết tắt là "Xanh"; nền màu trắng, chữ và số màu đen được viết tắt là "Trắng"); số máy, số khung, xe thông minh cho phép tự động hóa điều khiển (viết tắt là: xe thông minh); xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (viết tắt là: xe xanh).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN THU HỒI CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE, BIỂN SỐ XE

Mã hồ sơ trực tuyến.....

BIỂN SỐ: ..... Màu biển: .....

Theo đề nghị của: (1)

(2)

CHỨNG NHẬN:

Chủ xe: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Mã định danh: ..... (3) Ngày cấp: .....

Đã làm thủ tục thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe: ..... đăng ký ngày .....

**Đặc điểm xe như sau:**

Nhãn hiệu: ..... Số loại: .....

Loại xe: ..... Dung tích: ..... cm<sup>3</sup>; Công suất ..... kw

Số máy .....

Số khung .....

Trọng tải: ..... kg; Số chỗ ngồi: .....; đứng: .....; nằm: .....; Năm sản xuất: .....

Đã thu (4): Chứng nhận đăng ký xe  Biển số xe

Biển số xe bị mất  Chứng nhận đăng ký xe bị mất

Nơi dán bản chà số máy

(5)

Nơi dán bản chà số khung

Lý do thu hồi: (6) .....

Hồ sơ gốc đang lưu trữ tại: .....

Các chứng từ kèm theo: .....

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

(7)

(Ký số hoặc ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Như*

**Ghi chú:**

Chứng nhận này lập thành 02 bản

- 01 bản lưu giữ tại cơ quan .....
- 01 bản giao cho chủ xe .....

Trường hợp thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tạm nhập, tái xuất để làm thủ tục chuyển nhượng thì cấp thêm 01 bản cho chủ xe.

- (1) Ghi tên chủ xe đăng trong Chứng nhận đăng ký xe hoặc cơ quan có thẩm quyền đề nghị thu hồi
- (2) ở Bộ ghi Cục CSGT; ở tỉnh, TP trực thuộc TW: ghi Phòng CSGT/ Công an xã, phường, thị trấn/ Đồn Công an
- (3) Đối với cá nhân: Ghi số căn cước, căn cước công dân, số định danh cá nhân, số CMT ngoại giao, số CMT công vụ, số CMT lãnh sự, số CMT lãnh sự danh dự, số CMT phổ thông, số định danh của người nước ngoài, số Thẻ tạm trú, số Thẻ thường trú, số CMT CAND, số CMT QĐND tương ứng với đối tượng đăng ký; Đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử của tổ chức);
- (4) Trường hợp đã thu Chứng nhận đăng ký, biển số thì đánh dấu X vào ô vuông tương ứng; trường hợp không thu được thì để trống.
- (5) Trường hợp thu hồi để tái xuất hoặc chuyển quyền sở hữu hoặc di chuyển đi tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc tháo máy, khung để đăng ký cho xe khác hoặc di chuyển về Bộ Quốc phòng đăng ký thì phải có bản chụp số máy, số khung và đồng dấu giáp lai của Cơ quan đăng ký xe.
- (6) Ghi các lý do thu hồi; trường hợp chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số xe trùng đầu giá thì ghi rõ nội dung chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số xe trùng đầu giá; Trường hợp giải quyết chuyển quyền sở hữu qua nhiều tổ chức, cá nhân mà chứng từ chuyển quyền sở hữu xe không đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì ghi Giải quyết đăng ký sang tên xe có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
- (7) ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, TP trực thuộc TW: ghi Trưởng phòng/Trưởng Công an xã, phường, thị trấn/Trưởng Đồn Công an

*Quyết*

... (1) ....  
... (2) ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..../QĐ... (3) , ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**  
**THU HỒI CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE, BIỂN SỐ XE**

....(4)....

Căn cứ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

Căn cứ kết luận giám định .....

Xét đề nghị của (5) .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe ..... đăng ký ngày .....

Chủ xe: .....

Địa chỉ: .....

Mã định danh: ..... Số điện thoại: .....

**Đặc điểm xe như sau:**

Nhãn hiệu: ..... Số loại: .....

Loại xe: ..... Dung tích: ..... cm<sup>3</sup>; Công suất ..... kw

Số máy: .....

Số khung: .....

Trọng tải: ..... kg; Số chỗ ngồi: ..... ; đứng: ..... ; nằm: ..... ; Năm sản xuất: .....

Lý do thu hồi: .....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Đồng chí (6) và chủ xe chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: .....

(7) .....

(Ký số hoặc ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Công an tỉnh, TP;

(2) Ở Bộ ghi Cục CSGT; ở Tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Phòng CSGT; ở phường, xã, thị trấn ghi Công an phường, xã, thị trấn;  
Đồn Công an

(3) Ghi tên địa phương;

(4) Ở Bộ ghi Cục trưởng Cục CSGT; ở tỉnh, TP trực thuộc TW ghi Trưởng phòng CSGT; ở phường, xã, thị trấn, đồn ghi Trưởng Công an

phường, xã, thị trấn; Trưởng Đồn Công an

(5), (6) Ở Bộ ghi Trưởng phòng hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng Đội

đăng ký xe, ở CA cấp xã ghi Cán bộ đăng ký xe;

(7) ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, TP trực thuộc TW: ghi Trưởng phòng/ Trưởng Công an xã, phường, thị trấn/ Trưởng Đồn Công an

*(Chữ ký)*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1) ....  
... (2) ....

Số: ...../QĐ-ĐS

... (3) ...., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ĐÓNG SỐ MÁY, SỐ KHUNG XE**

...(4)...

- Căn cứ quy định tại điểm ..... khoản ..... Điều ..... Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

- Căn cứ .....

- Căn cứ đề nghị của: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Đóng số máy, số khung xe có đặc điểm sau:

Loại xe ..... Biển số: .....

Nhãn hiệu: ..... Số loại: .....

Số máy: ..... Số khung: .....

Lý do đóng số máy, số khung: .....

Vị trí đóng số: .....

Cán bộ thực hiện đóng số: .....

Nơi dán bản chà số máy sau khi đóng  
(đóng dấu giáp lai của cơ quan đăng ký xe)

Nơi dán bản chà số khung sau khi đóng  
(đóng dấu giáp lai của cơ quan đăng ký xe)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Đồng chí ..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

(5).....  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Công an tỉnh, TP;
- (2) Ở Bộ ghi Cục CSGT; ở Tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng CSGT; ở phường, xã, thị trấn ghi Công an phường, xã, thị trấn; Đồn Công an
- (3) Ghi tên địa phương;
- (4) (5) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, Tp trực thuộc TW ghi Trưởng phòng; ở phường, xã, thị trấn, đồn ghi Trưởng Công an phường, xã, thị trấn, Trưởng Đồn Công an

*(Chữ ký)*

Mẫu ĐKX10/79

Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA  
Ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN SỐ CŨ: \_\_\_\_\_

BIÊN SỐ MỚI: \_\_\_\_\_

Màu biển: \_\_\_\_\_

Màu biển: \_\_\_\_\_

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE**

(1) Mã hồ sơ trực tuyến: \_\_\_\_\_

Tên chủ xe: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ Điện thoại: \_\_\_\_\_

Mã định danh: (2) \_\_\_\_\_ Loại giấy tờ: \_\_\_\_\_ Cơ quan cấp \_\_\_\_\_ ngày cấp / /

Người làm thủ tục: \_\_\_\_\_ Số giấy tờ (3) \_\_\_\_\_ SĐT: \_\_\_\_\_

Số GPKDVT (nếu có) \_\_\_\_\_ Cơ quan cấp: \_\_\_\_\_ ngày cấp / /

**Đặc điểm xe như sau:**

Nhãn hiệu: \_\_\_\_\_ Số loại: \_\_\_\_\_

Loại xe: \_\_\_\_\_ Dung tích \_\_\_\_\_ cm<sup>3</sup>; Công suất: \_\_\_\_\_ kw;

Số máy (4) \_\_\_\_\_

Số khung \_\_\_\_\_ Màu sơn: \_\_\_\_\_

Trọng tải: \_\_\_\_\_ kg; Số chỗ ngồi: \_\_\_\_\_; đứng: \_\_\_\_\_; nằm: \_\_\_\_\_; Năm sản xuất: \_\_\_\_\_

Khối lượng bản thân: \_\_\_\_\_ kg; Khối lượng toàn bộ: \_\_\_\_\_ kg; Khối lượng kéo theo: \_\_\_\_\_ kg

Nguồn gốc (5) \_\_\_\_\_ Mã chứng từ LPTB: \_\_\_\_\_

Lý do: (6) \_\_\_\_\_

Kèm theo giấy này có: (7) \_\_\_\_\_

Nơi dán bản chà số máy

Nơi dán bản chà số khung

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe.

**CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE**

Ký, ghi rõ họ tên

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

**CHỦ XE**

(Ký số hoặc ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)

(8)  
Ký số hoặc ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

*Nguyễn*

**DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ VỀ NGUỒN GỐC CỦA XE**

Mã hồ sơ nguồn gốc xe (Số seri Phiếu KTCLXX/Số khung xe): \_\_\_\_\_  
 Tên đơn vị sản xuất, lắp ráp/nhập khẩu: \_\_\_\_\_  
 Số tờ khai nhập khẩu: \_\_\_\_\_ Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
 Cửa khẩu nhập: \_\_\_\_\_  
 Nhân hiệu: \_\_\_\_\_ Số loại: \_\_\_\_\_  
 Loại xe: \_\_\_\_\_ Dung tích: \_\_\_\_\_ cm<sup>3</sup>; Công suất: \_\_\_\_\_ kw  
 Số máy: \_\_\_\_\_  
 Số khung \_\_\_\_\_  
 Màu sơn: \_\_\_\_\_ Năm sản xuất: \_\_\_\_\_  
 Trọng tải: \_\_\_\_\_ kg Số chỗ ngồi: \_\_\_\_\_ đùng \_\_\_\_\_ năm: \_\_\_\_\_  
 Khối lượng bản thân: \_\_\_\_\_ kg; Khối lượng toàn bộ: \_\_\_\_\_ kg; Khối lượng kéo theo: \_\_\_\_\_ kg

**DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ VỀ LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

Mã hồ sơ lệ phí trước bạ: \_\_\_\_\_ Số điện thoại: \_\_\_\_\_  
 Tên người nộp thuế: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ: \_\_\_\_\_  
 Mã định danh: \_\_\_\_\_ Loại giấy tờ: \_\_\_\_\_ Cơ quan cấp: \_\_\_\_\_ ngày cấp \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_  
 Tên cơ quan quản lý thuế thu: \_\_\_\_\_  
 Biển số: (nếu có) \_\_\_\_\_ Loại xe: \_\_\_\_\_  
 Nhân hiệu: \_\_\_\_\_ Số loại: \_\_\_\_\_  
 Số máy: \_\_\_\_\_  
 Số khung \_\_\_\_\_  
 Dung tích: \_\_\_\_\_ cm<sup>3</sup>; Công suất: \_\_\_\_\_ kw Năm sản xuất: \_\_\_\_\_  
 Trọng tải: \_\_\_\_\_ kg; Số chỗ ngồi: \_\_\_\_\_; đùng: \_\_\_\_\_; năm: \_\_\_\_\_  
 Giá trị tài sản tính LPTB: \_\_\_\_\_; Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp: \_\_\_\_\_  
 Ngày nộp: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_  
 Căn cứ miễn thu (trường hợp miễn thu LPTB): \_\_\_\_\_  
 Thông báo của cơ quan thuế ngày: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_

## THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày cấp: \_\_\_\_\_

Mẫu số ký hiệu hóa đơn: \_\_\_\_\_ ký hiệu hóa đơn: \_\_\_\_\_

Số hóa đơn: \_\_\_\_\_

Loại hóa đơn \_\_\_\_\_

Đơn vị bán hàng: \_\_\_\_\_

Mã số thuế người bán hàng \_\_\_\_\_

Địa chỉ đơn vị người bán: \_\_\_\_\_

Họ tên người mua hàng: \_\_\_\_\_

Tên tổ chức người mua hàng: \_\_\_\_\_

Đơn vị người mua hàng: \_\_\_\_\_

Địa chỉ người mua hàng: \_\_\_\_\_

Căn cước công dân/mã số thuế: \_\_\_\_\_

Tên hàng hóa, dịch vụ: \_\_\_\_\_

Tiền thuế: \_\_\_\_\_ Tổng cộng tiền thanh toán: \_\_\_\_\_

Tổng cộng tiền thanh toán (viết bằng chữ): \_\_\_\_\_

### Ghi chú

Giấy khai đăng ký xe gồm 3 trang:

Trang 1: Phần kê khai của chủ xe; kèm tra của cơ quan đăng ký xe;

Trang 2: Dữ liệu điện tử về hồ sơ đăng ký xe kèm theo; trường hợp không có dữ liệu điện tử thì điền đầy đủ các thông tin còn thiếu.

Trang 3: Thông tin hóa đơn điện tử

(1) Ghi thủ tục đăng ký xe: Đăng ký xe lần đầu; Đăng ký sang tên, di chuyển xe; Cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Đăng ký xe tạm thời;

(2) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân, số CMT ngoại giao, số CMT công vụ, số CMT lãnh sự, số CMT lãnh sự danh dự, CMT (phổ thông), số định danh của người nước ngoài, số Thẻ tạm trú, số Thẻ thường trú, số CMT CAND, số CMT QĐND tương ứng với đối tượng đăng ký; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế);

(3) Ghi số giấy tờ tùy thân của người được cơ quan, tổ chức giới thiệu làm thủ tục đăng ký xe; kể cả trường hợp người được ủy quyền làm thủ tục

(4) Trường hợp xe có nhiều số máy thì ghi tất cả các số máy của xe.

(5) Ghi nguồn gốc xe nhập khẩu/sản xuất lắp ráp/ tịch thu theo quy định của pháp luật

(6) Ghi rõ lý do đối với các trường hợp: Đăng ký sang tên xe kèm theo biển số xe trùng đầu giá; Giải quyết đăng ký sang tên xe có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe không đầy đủ, hợp lệ theo quy định; cấp đổi, cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

(7) Ghi cụ thể các chứng từ, hồ sơ đăng ký xe kèm theo; trường hợp đăng ký tạm thời thì ghi địa điểm nơi đi, nơi đến; trường hợp chuyển quyền sở hữu xe qua nhiều tổ chức, cá nhân mà chứng từ chuyển quyền sở hữu xe không đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì phải ghi rõ quá trình mua bán (sên, địa chỉ, thời gian mua bán của tổ chức, cá nhân), nộp kèm theo các chứng từ chuyển quyền sở hữu xe (nếu có) và cam kết chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của xe.

(8) ở Bộ ghi Cục trưởng, ở Tỉnh, TP ghi Trưởng phòng; cấp xã ghi Trưởng Công an xã, phường, thị trấn; Trưởng Đồn Công an